

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn
tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của
Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền
sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền
sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê
mặt nước;*

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại văn bản số 499A/HĐND-VP ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 169A/TTr-STC ngày 15 tháng 12 năm 2017 và văn bản số 4583/STC-QLGCS ngày 20 tháng 12 năm 2017 đề nghị ban hành Quyết định Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quy định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất

1. Thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm cả trường hợp giao đất ở mới, giao đất ở tái định cư).

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

d) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản khai thác khoáng sản;

e) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá;

g) Xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai;

h) Xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai;

i) Xác định số tiền mà tổ chức kinh tế đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định.

2. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản

3. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản).

4. Xác định khoản tiền phải nộp bổ sung trong thời gian được gia hạn khi được gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai đối với các trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định đơn giá thuê đất) hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

5. Xác định khoản tiền phải nộp bổ sung trong trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định đơn giá thuê đất) hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư mà không thuộc đối tượng được gia hạn thời gian sử dụng đất hoặc thuộc đối tượng được gia hạn thời gian sử dụng đất nhưng không làm thủ tục để được gia hạn hoặc đã hết thời gian được gia hạn sử dụng đất theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai nhưng vẫn không đưa đất vào sử dụng và Nhà nước chưa có quyết định thu hồi đất.

Điều 3. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo biểu phụ lục đính kèm)

2. Giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất của từng vị trí được tính bằng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (x) hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các trường hợp không áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định này thì thực hiện khảo sát giá đất cụ thể theo quy định.

4

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm: Hàng năm, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, thông tin giá đất chuyển nhượng thực tế trên thị trường để rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế các huyện, thành phố có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc về giá đất (sau khi áp dụng hệ số) để xác định nghĩa vụ tài chính thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành liên quan có trách nhiệm phản ánh, đề xuất ý kiến gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm đấu giá cho thuê đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN Tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài P.thanh - Truyền hình Tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STC (10).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trình



PHỤ LỤC 01
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
(Kèm theo Quyết định số 43 / 2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Ba Cu	Trộn đường		1	1.70
2	Bà Huyện Thanh Quan	Trộn đường		3	1.70
3	Bà Triệu	Lê Lợi	Yên Bái	3	1.70
		Yên Bái	Ba Cu	4	1.70
		Lê Lợi	Lê Ngọc Hân	4	1.70
4	Bắc Sơn (P.11)	Trộn đường		4	1.40
5	Bạch Đằng	Trộn đường		2	1.60
6	Bến Đò (P.9)	Trộn đường		4	1.70
7	Bến Nôm (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40
8	Bình Giã	Lê Hồng Phong	Hẻm 442 Bình Giã	2	1.70
		Hẻm 442 Bình Giã	Đường 30/4	3	1.70
9	Cao Bá Quát (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40
10	Cao Thắng	Trộn đường		2	1.70
11	Chi Lăng (P.12)	Trộn đường		4	1.40
12	Chu Mạnh Trinh	Trộn đường		3	1.70
13	Cô Bắc	Trộn đường		3	1.70
14	Cô Giang	Lê Lợi, Lê Ngọc Hân	Triệu Việt Vương	3	1.70
15	Dã Tượng (P.Thắng Tam)	Trộn đường		3	1.70
16	Dương Văn Nga (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40
17	Đào Duy Từ (P.Thắng Tam)	Trộn đường		3	1.70
18	Đình Tiên Hoàng	Trộn đường		2	1.70
19	Đồ Chiểu	Lý Thường Kiệt	Lê Lai	1	1.70
		Lê Lai	Hẻm 114	3	1.70
20	Đô Lương (P.11, P.12)	Trộn đường		4	1.70
21	Đường 2 tháng 9 (tên cũ: Đoạn cuối Quốc lộ 51B)	Lê Hồng Phong	Vòng xoay Tượng đài dầu khí (P.NAN)	1	1.70
22	Đoàn Thị Điểm	Trộn đường		3	1.70
23	Đội Cấn (P.8)	Trộn đường		2	1.70
24	Đống Đa (P.Thắng Nhất, P.10)	Trộn đường		4	1.40
25	Đồng Khởi	Trộn đường		2	1.70
26	Đường 3/2	Vòng xoay Liệt sỹ	Nguyễn An Ninh	1	1.70
		Nguyễn An Ninh	Vòng xoay đường 3/2 và trục đường 51B	3	1.70
27	Đường 30/4	Ngã 4 Giếng nước	Ụo Ông Từ	2	1.60
28	Đường bờ kè Rạch Bến Đình	Dự án nhà ở đại An	Hết phần đất giao Công ty phát triển Nhà	3	1.60
29	Đường D4 (P.10)	Đường N1	hết đường nhựa	3	1.40
30	Đường D5 (P.10)	Đường 3/2	hết đường nhựa	3	1.40
31	Đường lên biệt thự đôi sứ	Trần Phú	Nhà số 12/6A	2	1.60

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số	
		Từ	Đến			
		Trần Phú	Nhánh đường lên Biệt thự Đồi Sứ			3
32	Đường từ biệt thự 14,15 song song với đường Võ Thị Sáu đi ra khu biệt thự Công ty Phát triển nhà xây dựng			2	1.70	
33	Đường Bến Đình 3 và đường Bến Đình 8 (tên cũ: đường vài dai khu tái định cư Bến Đình)	Trộn đường (đường rải nhựa có lòng đường và vỉa hè rộng 10m)		4	1.60	
34	Đường vào Xí nghiệp Quyết Tiến	Trộn đường		4	1.40	
35	Đường ven biển Hải Đăng	Đường 3/2	Cầu Cửa Lấp	3	1.40	
36	Hạ Long	Trộn đường		1	1.70	
37	Hải Đăng	Hạ Long	Số 5 (Nhà nghỉ Long An cũ)	3	1.70	
		Số 5 (Nhà nghỉ Long An cũ)	Đèn Hải Đăng	4	1.70	
		Ngã 3	Tượng Chúa	4	1.70	
		Hẻm Hải Đăng		4	1.70	
38	Hải Thượng Lãn Ông (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40	
39	Hai tuyến đường nối từ đường Bình Giã vào khu chợ Rạch Dừa (P.Rạch Dừa)					
	Phạm Hữu Lầu	Bình Giã	khu chợ Rạch Dừa	3	1.40	
	Phan Xích Long	Bình Giã	khu chợ Rạch Dừa	3	1.40	
40	Hàn Mặc Tử (P.7)	Trộn đường		3	1.70	
41	Hàn Thuyên (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40	
42	Hẻm số 1 Nguyễn An Ninh	Trộn đường		4	1.70	
43	Hẻm số 110 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngô Đức Kế	2	1.70	
44	Hẻm 135 Lê Quang Định (P.Thắng Nhất)	gồm các đoạn đường nội bộ khu đất PTSC của Công ty Dịch vụ Dầu khí			4	1.60
45	Hẻm 02, 04, 36, 50 Nguyễn Lương Bằng (P9)			3	1.70	
46	Hẻm 30 Lương Thế Vinh (P9)			3	1.70	
47	Hẻm 40 - Phan Đăng Lưu	Trộn đường		3	1.70	
48	Hẻm 43, 61 đường Phạm Ngọc Thạch (P9)			3	1.70	
49	Trần Đình Xu (tên cũ: Hẻm 492 - đường 30/4 (P.Rạch Dừa)	Nối từ đường 30/4	Khu chợ Rạch Dừa	3	1.40	
50	Hồ Thị Kỳ (tên cũ: Hẻm 524 - đường 30/4 (P.Rạch Dừa)	Nối từ đường 30/4	Khu chợ Rạch Dừa	3	1.40	
51	Hẻm 58 Nguyễn Gia Thiều	Trộn đường		4	1.40	
52	Hẻm 825 và 875 Bình Giã (P10)	đường vào khu tái định cư 4,1 ha			4	1.40
53	Hồ Quý Ly	Trộn đường		3	1.70	
54	Hồ Tri Tân (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40	
55	Hồ Xuân Hương	Trộn đường		3	1.70	
56	Hoa Lư (P.12)	Trộn đường		4	1.40	
57	Hoàng Diệu	Trộn đường		1	1.70	
58	Dương Văn An (tên cũ: hẻm 12 Hoàng Hoa Thám - tuyến đường nội bộ khu nhà ở cao cấp góc đường Hoàng Hoa Thám và đường Nguyễn Trường Tộ), P.2	Hoàng Hoa Thám	Đình Tiên Hoàng	3	1.70	



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
	Hồ Đắc Di (tên cũ: hẻm 12 Hoàng Hoa Thám - tuyến đường nội bộ khu nhà ở cao cấp góc đường Hoàng Hoa Thám và đường Nguyễn Trường Tộ), P.2	Nguyễn Trường Tộ	Dương Văn An	3	1.70
59	Hoàng Văn Thụ (P.7)	Trọn đường		2	1.70
60	Hoàng Việt, phường 6 (Phước Lâm Tự cũ)	Trọn đường		4	1.60
61	Hùng Vương	Trọn đường		2	1.70
62	Huyền Trân Công Chúa	Trọn đường		2	1.70
63	Huỳnh Khương An	Trọn đường		3	1.70
64	Huỳnh Khương Ninh	Trọn đường		3	1.70
65	Kha Vạn Cân (P.7)	Trọn đường		3	1.70
66	Kim Đông (P.Rạch Dừa)	Trọn đường		4	1.40
67	Ký Con	Trọn đường		3	1.70
68	Kỳ Đồng	Trọn đường		4	1.60
69	La Văn Cầu	Trọn đường		2	1.70
70	Lạc Long Quân	Võ Thị Sáu	Hết phần đất giao Công ty Phát triển Nhà	3	1.70
71	Lê Hoàn (P.Rạch Dừa)	Trọn đường		4	1.40
72	Lê Hồng Phong	Lê Lợi	Thùy Vân	1	1.70
73	Lê Lai	Lê Quý Đôn	Thống Nhất	2	1.70
		Thống Nhất	Trương Công Định	3	1.70
74	Lê Lợi	Trọn đường		1	1.70
75	Lê Ngọc Hân	Trần Phú	Thủ Khoa Huân	1	1.70
		Thủ Khoa Huân	Bà Triệu	3	1.70
76	Lê Phụng Hiểu	Trọn đường		3	1.70
77	Lê Quang Định	Đường 30/4	Bình Giã	3	1.70
78	Lê Quý Đôn	Quang Trung	Ngã 5 Lê Quý Đôn - Lê Lợi - Thủ Khoa Huân	1	1.70
		Đoạn còn lại		2	1.70
79	Lê Thánh Tông	Trọn đường		4	1.60
80	Lê Thị Riêng	Trọn đường		4	1.60
81	Lê Văn Lộc	Đường 30/4	Lê Thị Riêng	3	1.60
		Lê Thị Riêng	Bờ kè rạch Bến Đình	4	1.60
82	Lê Văn Tám	Trọn đường		2	1.70
83	Lương Thế Vinh	Trương Công Định	Đường 30/4	2	1.70
84	Lương Văn Can	Trọn đường		3	1.70
85	Lưu Chí Hiếu (P9, P10, P.Rạch Dừa, P.Thắng Nhất)	Trọn đường		4	1.40
86	Lưu Hữu Phước (P.Rạch Dừa, P.Thắng Nhất)	Trọn đường		4	1.40
87	Lý Thái Tổ (P.Rạch Dừa)	Trọn đường		4	1.40
88	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trường Tộ	Phạm Ngũ Lão	2	1.70
		Phạm Ngũ Lão	Lê Quý Đôn	1	1.70
		Lê Quý Đôn	Bà Triệu	2	1.70
89	Lý Tự Trọng	Lê Lợi	Lê Lai	1	1.70
		Lê Lai	Hẻm 45, 146 Lý Tự Trọng	2	1.70

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
		Đoạn còn lại			
		Đoạn còn lại		3	1.70
90	Mạc Đình Chi	Trộn đường		3	1.70
91	Mai Thúc Loan (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40
92	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trộn đường		1	1.70
93	Ngô Đức Kế	Nguyễn An Ninh	Cao Thắng	2	1.70
		Cao Thắng	Pasteur	3	1.70
		Đoạn còn lại		4	1.70
94	Ngô Quyền (P. Thắng Nhất, P.Rạch Dừa)	Nguyễn Hữu Cảnh	Nơ Trang Long	3	1.60
95	Ngô Văn Huyền	Trộn đường		2	1.70
96	Ngư Phủ	Trộn đường		4	1.60
97	Nguyễn An Ninh	Trộn đường		1	1.70
98	Nguyễn Bảo (Tự do cũ)	Trộn đường		4	1.60
99	Nguyễn Bình Khiêm	Trộn đường		2	1.70
100	Nguyễn Bửu (P.Thắng Tam)	Trộn đường		3	1.70
101	Nguyễn Chí Thanh	Trộn đường		2	1.70
102	Nguyễn Công Trứ	Trộn đường		4	1.70
103	Nguyễn Cư Trinh	Trộn đường		3	1.70
104	Nguyễn Du	Quang Trung	Trần Hưng Đạo	1	1.70
		Trần Hưng Đạo	Trương Công Định	2	1.70
105	Nguyễn Gia Thiệu (P.12)	Trộn đường		4	1.40
106	Nguyễn Hiền	Trộn đường		4	1.70
107	Nguyễn Hới (P.8)	Trộn đường		2	1.70
108	Nguyễn Hữu Cảnh	Đường 30/4	Trường Tiểu học Chí Linh	3	1.60
		Đoạn còn lại		4	1.60
109	Nguyễn Hữu Cầu	Trộn đường		2	1.70
110	Nguyễn Kim	Trộn đường		3	1.70
111	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn An Ninh		2	1.70
		Lương Thế Vinh		3	1.70
112	Nguyễn Thái Bình	Trộn đường		3	1.70
113	Nguyễn Thái Học (P.7)	Trộn đường		1	1.70
114	Nguyễn Thiện Thuật	Lê Quang Định	Nguyễn Hữu Cảnh	3	1.60
		Đoạn còn lại		4	1.60
115	Nguyễn Trãi	Trộn đường		1	1.70
116	Nguyễn Tri Phương	Ngô Đức Kế	Trương Công Định	1	1.70
117	Nguyễn Trung Trục	Trộn đường		3	1.70
118	Nguyễn Trường Tộ	Trộn đường		2	1.70
119	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn An Ninh	Lương Thế Vinh	2	1.70
		Lương Thế Vinh	Lý Thái Tông	3	1.70
120	Nguyễn Văn Trỗi	Trộn đường		1	1.70
121	Nơ Trang Long (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		3	1.40
122	Ông Ích Khiêm	Lê Văn Lộc	Hồ Biểu Chánh	3	1.70
123	Pasteur	Trộn đường		2	1.70
124	Phạm Cự Lạng (P.Rạch Dừa)	Trộn đường		4	1.40
125	Phạm Hồng Thái	Trộn đường		2	1.70
126	Phạm Ngọc Thạch	Trộn đường		2	1.70
127	Phạm Ngũ Lão	Trộn đường		3	1.70
128	Phạm Thế Hiển	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Xô Viết Nghệ Tĩnh	3	1.70
		Đoạn còn lại		4	1.70



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
129	Phạm Văn Dinh	Trọn đường		4	1.60
130	Phạm Văn Nghị (P.Thắng Nhất)	Đoạn vuông góc với đường Lê Quang Định	Nguyễn Thiện Thuật	3	1.60
131	Phan Bội Châu	Trọn đường		2	1.70
132	Phan Chu Trinh	Thùy Vân	Võ Thị Sáu	1	1.70
		Ngã 3 Võ Thị Sáu	Đình Tiên Hoàng	2	1.70
133	Phan Đăng Lưu	Trọn đường		2	1.70
134	Phan Đình Phùng	Trọn đường		1	1.70
135	Phan Kế Bính	Trọn đường		3	1.70
136	Phan Văn Trị	Trọn đường		2	1.70
137	Phó Đức Chính	Trọn đường		2	1.70
138	Phùng Khắc Khoan	Trọn đường		2	1.70
139	Phước Thắng (P.12)	Trọn đường		4	1.40
140	Quang Trung	Trọn đường		1	1.70
141	Sương Nguyệt Ánh	Trọn đường		3	1.70
142	Tân Đà (Hai Bà Trưng cũ) (P.Rạch Dừa)	Trọn đường		4	1.40
143	Tăng Bạt Hồ	Trọn đường		4	1.40
144	Thắng Nhì	Trọn đường		4	1.40
145	Thị Sách	Trọn đường		1	1.70
146	Thống Nhất	Quang Trung	Lê Lai	1	1.70
		Lê Lai	Trương Công Định	2	1.70
147	Thủ Khoa Huân	Trọn đường		1	1.70
148	Thùy Vân (P.2, P.8, P. Thắng Tam)	Trọn đường		1	1.70
149	Tiền Cảng (Hèm Quân Cảng cũ)	Trọn đường		4	1.60
150	Tô Hiến Thành	Trọn đường		3	1.70
151	Tôn Đản (P.Rạch Dừa)	Trọn đường		4	1.40
152	Tôn Thất Thuyết (nói dài)(tên cũ: <i>Tôn Thất Thuyết</i>)	Lê Văn Lộc	Lương Văn Nho	4	1.70
153	Tôn Thất Tùng	Trọn đường		2	1.70
154	Tổng Duy Tân (P.9)	Lương Thế Vinh	Nguyễn Trung Trực	4	1.70
155	Trần Anh Tông	Trọn đường		4	1.60
156	Trần Bình Trọng	Trọn đường		3	1.70
157	Trần Cao Vân	Lê Văn Lộc	Võ Trường Toàn	3	1.70
		Võ Trường Toàn	Nguyễn Đức Cảnh	4	1.70
158	Trần Đồng	Trọn đường		2	1.70
159	Trần Hưng Đạo	Trọn đường		1	1.70
160	Trần Nguyên Đán	Trọn đường		4	1.60
161	Trần Nguyên Hãn	Trọn đường		2	1.70
162	Trần Phú (P.1, P.5)	Quang Trung	Nhà số 46 Trần Phú	1	1.70
		Đoạn còn lại		2	1.70
163	Trần Quốc Toàn	Trọn đường		4	1.60
164	Trần Quý Cáp	Trọn đường		2	1.70
165	Trần Xuân Độ	Trọn đường		4	1.60
166	Triệu Việt Vương	Trọn đường		3	1.70
167	Trịnh Hoài Đức (P.7)	Trọn đường		2	1.70
168	Trương Công Định	Ngã 3 Hạ Long Quang Trung	Lê Lai	2	1.70

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
		Lê Lai	Ngã 5	1	1.70
		Ngã 5	Nguyễn An-Ninh	1	1.70
		Đoạn còn lại		2	1.70
169	Trung Nhị	Trộn đường		1	1.70
170	Trung Trắc	Trộn đường		1	1.70
171	Trương Hán Siêu (P.10)	Trộn đường		4	1.40
172	Trương Ngọc (P.Thắng Tam)	Trộn đường		3	1.70
173	Trương Văn Bang (P.7)	Trộn đường		1	1.70
174	Trương Vĩnh Ký	Trộn đường		1	1.70
175	Tú Xương	Trộn đường		3	1.70
176	Tuệ Tĩnh (P.10)	Trộn đường		4	1.40
177	Tuyến đường nối vuông góc từ đường 30/4, có cùng độ rộng với hẻm 524 (P.Rạch Dừa)	Nằm giữa hẻm 524 và đường Bình Giã	Khu chợ Rạch Dừa	3	1.40
178	Văn Cao (P.2)	Trộn đường		4	1.70
179	Vi Ba	Lê Lợi	Ngã 3 Vi Ba	3	1.70
		Ngã 3 Vi Ba	Hẻm 105 Lê Lợi	3	1.70
		Đoạn còn lại		4	1.70
180	Võ Đình Thành (P.Thắng Tam)	Trộn đường		3	1.70
181	Võ Nguyên Giáp	Vòng xoay đường 3/2 và trục đường 51B	Ụo Ông Từ	3	1.40
		Ụo Ông Từ	CS Trung Tín (cầu Cây Khế cũ)	3	1.40
		CS Trung Tín (cầu Cây Khế cũ)	Hoa Lư	4	1.40
		Hoa Lư	Cầu Cỏ May	3	1.40
182	Võ Thị Sáu	Trộn đường		2	1.70
183	Võ Văn Tần	Trộn đường		4	1.60
184	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trộn đường		2	1.70
185	Yên Bái	Trộn đường		3	1.70
186	Yên Đổ	Trộn đường		4	1.60
187	Yersin	Trộn đường		2	1.70
188	Đường 2 tháng 9 (tên cũ: Các tuyến đường 51B thuộc địa bàn các P.10, P.11, P.12)	Vòng xoay đường 3/2 thuộc P12	Bình Giã P.10	3	1.40
189	Các tuyến đường tại khu nhà ở cao cấp Á Châu phường 2				1.70
	Đường Phan Huy Ích, đường Thái Văn Lung, đường Bàu Sen 1, 2, 3, 5, 7, 9 theo quy hoạch (tên cũ: Các tuyến đường có lòng đường trải nhựa rộng từ 5 - 7m)			4	1.70
	Đường Phan Huy Chú (tên cũ: Đường trục chính có lòng đường trải nhựa rộng 8m nối từ đường Hoàng Hoa Thám tới Phan Chu Trinh)			3	1.70
190	Các tuyến đường thuộc khu nhà ở đôi 2 CTCP Phát triển nhà P10	Đường số 6,10, 11 theo qui hoạch		3	1.40
		Đường số 3, 4,5 theo qui hoạch		4	1.40



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
191	Các tuyến đường thuộc khu nhà ở Phước Cơ P12	21 lô đất có diện tích 2.600m ²		3	1.40
		23 lô đất có diện tích 2.762,5m ²		4	1.40
192	Các tuyến đường thuộc khu Tái định cư 4,1 ha phường 10	Các tuyến đường có lòng đường trải nhựa rộng từ 5-7m		4	1.40
		Các tuyến đường có lòng đường trải nhựa lớn hơn 7m		4	1.40
193	Lý Thái Tông (tên cũ: Hẻm 17 Lương Thế Vinh và tuyến đường sát tường rào Sân Bay)	Trương Công Định	Lương Thế Vinh	3	1.70
	Nguyễn Đức Thuận (tên cũ: Hẻm 59 Lương Thế Vinh)	Lương Thế Vinh	Lý Thái Tông	3	1.70
	Nguyễn Khang (tên cũ: Hẻm 39 Lương Thế Vinh)	Lương Thế Vinh	Lý Thái Tông	3	1.70
	Võ Trường Toàn (tên cũ: Lương Thế Vinh nối dài)	Đường 30/4	Trần Cao Vân	2	1.70
	Trần Cao Vân	Tôn Đức Thắng	3		
194	Những tuyến đường khu tái định cư Trần Bình Trọng (P. Nguyễn An Ninh):				
	Lê Trọng Tấn (đường rải nhựa rộng 5m)	Trần Bình Trọng	Mai Xuân Thường	4	1.70
	Mai Xuân Thường (đường rải nhựa rộng 5m)	Nguyễn An Ninh	Trần Bình Trọng	4	1.70
	Nguyễn Hữu Thọ (hẻm 556 Nguyễn An Ninh -đường rải nhựa rộng 5m)	Ranh sân bay	Nguyễn An Ninh	4	1.70
	Nguyễn Thị Minh Khai (đường rải nhựa rộng 7m)	Nguyễn An Ninh	Trần Bình Trọng	3	1.70
195	Những tuyến đường chưa có tên trong khu trung tâm thương mại P.7				
	Bế Văn Đàn	Nguyễn Thái Học	Ngô Đức Kế	2	1.70
	Nam Cao	Tôn Thất Tùng	Ngô Đức Kế	2	1.70
	Nguyễn Kiệt	Trương Văn Bang	Ngô Đức Kế	2	1.70
	Nguyễn Oanh	Phùng Chí Kiên	Nguyễn Kiệt	2	1.70
	Phùng Chí Kiên	Nguyễn Thái Học	Phạm Hồng Thái	2	1.70
	Xuân Diệu	Nguyễn Thái Học	Ngô Đức Kế	2	1.70
	Xuân Thủy	Cao Thắng	Paster	2	1.70
196	Những tuyến đường nội bộ thuộc các dự án khu tái định cư Bến Đình, khu nhà ở Sao Mai, Tecapro, Decoimex, Đại An:				1.60
	Lương Văn Nho	Đường 30/4	Tôn Đức Thắng	3	1.60
	Nguyễn Thị Định	Đường 30/4	Tôn Đức Thắng	3	1.60
	Tố Hữu	Đường 30/4	Ông Ích Khiêm	3	1.60
	Ngô Tất Tố	Võ Trường Toàn	Lương Văn Nho	4	1.60
	Ngô Gia Tự	Ngô Tất Tố	Ông Ích Khiêm	4	1.60
	Nguyễn Bình	Nguyễn Trung Trực	Ngô Gia Tự	4	1.60

Stt	TÊN ĐƯỜNG		Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
			Từ	Đến		
	Nguyễn Thị Thập		Lương Văn Nho	Hẻm giữa 2 đường Ông Ích Khiêm và Trần Quang Diệu	4	1.60
	Trần Quang Diệu		Lương Văn Nho	Lê Văn Lộc	4	1.60
	Tôn Đức Thắng		Lê Văn Lộc	Đường QH 100m vào Cảng Sao Mai Bến Đình	3	1.60
	Hồ Biểu Chánh		Trần Cao Vân	Tôn Đức Thắng	3	1.60
	Nguyễn Thông		Tổ Hữu	Đường QH 100m vào Cảng Sao Mai Bến Đình	4	1.60
	Hàm Nghi		Tổ Hữu	Nguyễn Đức Cảnh	4	1.60
	Nguyễn Đức Cảnh		Nguyễn Thông	Ông Ích Khiêm	4	1.60
	Nguyễn Phi Khanh		Nguyễn Thông	Tôn Đức Thắng	3	1.60
	Đường Bến Đình 1, 2, 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch (bổ sung)		Trộn đường (đường rải nhựa có lòng đường và vỉa hè rộng 15m)		3	1.60
197	Các tuyến đường có lòng đường trải nhựa rộng 5 m trở lên thuộc khu tái định cư 199 lô phường 10				4	1.40
198	Những tuyến đường nội bộ thuộc khu biệt thự Phương Nam				4	1.70
	Dương Minh Châu	Khu dân cư Binh đoàn 15	Huỳnh Tịnh Của		4	1.70
	Hoàng Trung Thông	Mạc Thanh Đạm	Huỳnh Tịnh Của		4	1.70
	Tô Ngọc Vân	Hoàng Lê Kha	Hoàng Trung Thông		4	1.70
	Hoàng Lê Kha	Bùi Công Minh	Hoàng Trung Thông		4	1.70
	Mạc Thanh Đạm (P.8)	Thùy Vân	Nguyễn Hữu Tiến		2	1.70
	Nguyễn Hữu Tiến (P.8)	Nguyễn An Ninh	Đường nội bộ khu Biệt thự Phương Nam		4	1.70
	Hoàng Văn Thái (P.NAN)	Lê Trọng Tấn	Mai Xuân Thường		4	1.70
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỐI VUÔNG GÓC ĐƯỜNG 30/4 KHU BẾN ĐÌNH						
1	Đoạn nối từ đường 30/4 đến hết đường bờ kè Rạch Bến Đình	Đoạn đã trải nhựa rộng 7 m nằm trong dự án nhà ở của Công ty Tecapro			3	1.70
		Đoạn trải nhựa nối từ đường 30/4 đến đường Trần Cao Vân (phía trước UBND phường 9)			3	1.70
2	Đường nối từ đường 30/4 đến hết đường bờ kè Rạch Bến Đình (đi qua phần đất của dự án nhà ở Đại An)				3	1.70
3	Đường nối từ đường 30/4 đến hết đường bờ kè Rạch Bến Đình (bên cạnh Công ty xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh)				3	1.70



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU 240 LÊ LỢI, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU					
1	Trần Huy Liệu	Trộn đường		3	1.70
2	Trần Khánh Dư	Trộn đường		3	1.70
3	Trần Khắc Chung	Trộn đường		3	1.70
4	Hèm số 01, 04 Trần Khắc Chung			4	1.70
5	Hèm số 03, 05 Trần Khắc Chung			4	1.70
6	Con đường hình chữ U (Phần kéo dài của đường Trần Khánh Dư có 2 nhánh nối vuông góc với đường Trần Huy Liệu)			3	1.70
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC TRUNG TÂM CHÍ LINH, PHƯỜNG 10, NGUYỄN AN NINH, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.					1.60
1	Các tuyến đường thuộc khu E2, E4 Trung tâm Chí Linh theo bản đồ điều chỉnh qui hoạch phân lô số CHL/QH-03/C	Những tuyến đường có lòng đường trải nhựa rộng 10,5m		3	1.60
		Những tuyến đường có lòng đường trải nhựa rộng 5-7m		4	1.60
2	Các tuyến đường trong khu Trung tâm Chí Linh theo bản đồ điều chỉnh qui hoạch phân lô số CHL/QH-03/C				
	- Nguyễn Hữu Cảnh	đường 3/2	hết phần đường thi công hoàn chỉnh (khu A8)	3	1.60
	- Đoạn từ giữa khu A4 đến hết ranh đất dự án về hướng đường 30/4			4	1.60
	- Các đoạn đường nội bộ bao gồm các lô đất: A3, A4, A7, A8, A9, B11, B12, B13, B13 ^A , B13 ^B , C4, C5, D1, D2, D6, E1, E3, H1			4	1.60
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG MỚI BỔ SUNG					
1	Đường Tạ Uyên			2	1.70
2	Những tuyến đường thuộc dự án nhà ở Decomex mở rộng				1.60
	Nguyễn Bá Lân	Lê Văn Lộc	Lương Văn Nho	4	1.60
	Hoàng Minh Giám	Lê Văn Lộc	Lương Văn Nho	4	1.60
3	Đường D10 (P.11)	Đường 3/2	Biển	3	1.40
4	Trường Sa (P.12)	Võ Nguyên Giáp	Cầu Gò Găng P.12 TP Vũng Tàu	4	1.40

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Bến Diệp			1	1.40
2	Cồn Bần			1	1.40
3	Đông Hồ Mang Cá			1	1.40

4	Đường thôn 2 Bến Đá			1	1.40
5	Đường thôn 4			1	1.40
6	Đường thôn 5			1	1.40
7	Đường thôn 6			1	1.40
8	Đường thôn 7			1	1.40
9	Hẻm số 3 thôn 5			1	1.40
10	Hoàng Sa (tên cũ: Láng Cát – Long Sơn)			1	1.40
11	Liên thôn 1- Rạch Lừa			1	1.40
12	Liên thôn 4-6			1	1.40
13	Liên thôn 5-8			1	1.40
14	Liên thôn Bến Điệp			1	1.40
15	Ông Hưng			1	1.40
16	Số 2 thôn 5			1	1.40
17	Số 2 thôn 6			1	1.40
18	Tây Hồ Mang Cá			1	1.40
19	Đường 28 tháng 4 (tên cũ: Trục chính)			1	1.40
20	Ba đường hẻm thuộc khu dân cư thôn 4			1	1.40
21	Khu vực Gò Găng			3	1.40
22	Trường Sa	Cầu Gò Găng, P12	Nhà lớn Long Sơn	1	1.40
23	Đường vào khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (toàn tuyến), xã Long Sơn	Cầu Ba Nanh thôn 10	Dự án tổ hợp hóa dầu Miền Nam thôn 2	1	1.40



PHỤ LỤC 02
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
(Kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Bạch Đằng	Nguyễn Huệ	Vòng xoay Chi Lăng	2	1.40
		Vòng xoay Chi Lăng	Nguyễn Hữu Thọ	1	1.40
		Nguyễn Hữu Thọ	Lê Duẩn	2	1.40
		Lê Duẩn	Phạm Văn Đồng	2	1.40
		Phạm Văn Đồng	Phạm Hùng	2	1.40
2	Bình Giã - đường vào Trường Phan Bội Châu	Nguyễn Hữu Cảnh	Trương Tấn Bửu	3	1.40
3	Các đường xương (trái nhựa) còn lại thuộc phường Long Toàn			4	1.40
4	Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Hương	Tôn Đức Thắng	1	1.40
		Tôn Đức Thắng	Cầu Thủ Lựu	1	1.40
		Cầu Long Hương	Tô Nguyệt Đình	2	1.40
		Cầu Thủ Lựu	Giáp Long Điền	2	1.40
5	Châu Văn Biệt (Đường phía Bắc trường Lê Thành Duy)	Lê Duẩn	Hết nhựa	3	1.40
6	Chi Lăng	Nguyễn Thanh Đăng	Đường phía Đông khu bờ kè sông Dinh GD2	2	1.40
7	Duy Tân (Nguyễn Khuyến)	Nguyễn An Ninh	Cầu Đình Long Hương	4	1.40
8	Dương Bạch Mai			1	1.40
9	Đặng Nguyên Cẩn			3	1.40
10	Điện Biên Phủ	Cầu Điện Biên Phủ	Nguyễn Thanh Đăng	2	1.40
		Nguyễn Thanh Đăng	Hết ranh phường Long Toàn	3	1.40
11	Đoàn Giỏi (A1 - TĐC Bắc 55)	Nguyễn Thị Minh Khai	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
12	Đỗ Nhuận (Đường phía Tây chợ Kim Dinh)	Quốc lộ 51	Trịnh Đình Thảo	4	1.40
13	Đông Tây Giáo Xứ Dũng Lạc			3	1.40
14	Đường 27/4	Nhà Tròn	Điện Biên Phủ	1	1.40
		Điện Biên Phủ	Phạm Ngọc Thạch	2	1.40
		Phạm Ngọc Thạch	Cầu Nhà máy nước	3	1.40
		Nhà Tròn (CMT8)	Nguyễn Huệ	2	1.40
15	Đường bên hông trung tâm huấn luyện chó đua	Võ Thị Sáu	Hết nhựa	4	1.40
16	Nguyễn Thành Long (Đường phía Bắc khu bờ kè sông Dinh giai đoạn 2)	Đường 27/4	Lê Thành Duy	3	1.40
17	Đường phía Đông khu bờ kè sông Dinh giai đoạn 2	Đường phía Bắc khu bờ kè sông Dinh giai	Lê Thành Duy	3	1.40

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
		đoạn 2			
18	Đường trong khu trung tâm thương mại phường Long Hương			3	1.40
19	Đường vào Nhà máy điện Bà Rịa	Quốc lộ 51	Hết đường nhựa	4	1.40
20	Đường vào trụ sở khu phố 3	Nguyễn Minh Khanh	Đường bên hông Trung tâm huấn luyện chó đua	4	1.40
21	Tú Mỡ (tên cũ H1 - Cách Mạng Tháng Tám (Đường vào Phòng công chứng số 2)	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Linh	3	1.40
22	H1 - Hà Huy Tập (Đường phía Nam trường Nguyễn Du)	Hà Huy Tập	Hết nhựa	3	1.40
23	H2 - Cách Mạng Tháng Tám (hẻm đình Phước Lễ)	Cách Mạng Tháng Tám	Bạch Đằng	4	1.40
24	H2 - Lê Duẩn (Khu giáo chức)	Lê Duẩn	Bạch Đằng	3	1.40
25	H2 - Nguyễn Thị Định (Đường vào trường Biên phòng)	Nguyễn Thị Định	Trường Biên phòng	4	1.40
26	H3 - Hà Huy Tập (đường phía Bắc trường Nguyễn Du)	Hà Huy Tập	Hết nhựa	3	1.40
27	H4 - CMT8 (Khu giáo chức)	Cách Mạng Tháng Tám	H2 - Lê Duẩn	3	1.40
28	H4 - Lê Duẩn (Khu giáo chức)	Lê Duẩn	H6 - CMT8	3	1.40
29	H4 - Nguyễn Thị Định (Đường vào trường Biên phòng)	Nguyễn Thị Định	Hết nhựa	4	1.40
30	H6 - CMT8 (Khu giáo chức)	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
31	Hà Huy Tập (P.Phước Nguyên)	Cách Mạng Tháng Tám	Hết nhựa	4	1.40
32	Hà Huy Tập - P.Phước Trung (Đường vào Trường Mầm non Phước Trung)	Cách Mạng Tháng Tám	Trường Chinh	3	1.40
33	Hai Bà Trưng	Lê Thành Duy	Nguyễn Thanh Đăng	2	1.40
34	Hoàng Diệu	Cầu NM Nước	Hùng Vương	3	1.40
35	Hoàng Hoa Thám	Hùng Vương	Trần Phú	3	1.40
36	Hoàng Việt			3	1.40
37	Hồ Tri Tân	Bên hông Trường C.III		3	1.40
38	Huệ Đăng			2	1.40
39	Hùng Vương	Ngã 4 Xóm Cát	Phạm Ngọc Thạch	2	1.40
		Phạm Ngọc Thạch	Mô Xoài (đường bên hông tinh đội)	3	1.40
40	Hương lộ 2	Ngã 5 Long Điền	Hết địa phận phường Long Tâm	4	1.40
41	Huỳnh Khương Ninh	Phan Văn Trị	Giáp ranh huyện Tân Thành	4	1.40
42	Huỳnh Ngọc Hay			2	1.40
43	Huỳnh Tấn Phát	Đường 27/4	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
44	Huỳnh Tịnh Của			1	1.40
45	Kha Vạn Cân	Võ Văn Kiệt	Trần Phú	4	1.40



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
46	Lâm Quang Ky (Khu tái định cư Đông QL56)	Hùng Vương	Mộng Huê Lâu	3	1.40
47	Lê Bảo Tịnh (Khu TĐC Đông QL56)	Lâm Quang Ky	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
48	Lê Duẩn			2	1.40
49	Lê Lai			2	1.40
50	Lê Lợi	Chi Lăng	Huỳnh Ngọc Hay	2	1.40
		Huỳnh Ngọc Hay	Điện Biên Phủ	3	1.40
51	Lê Quý Đôn	Huỳnh Tịnh Của	Dương Bạch Mai	1	1.40
		Dương Bạch Mai	Nguyễn Thanh Đăng	1	1.40
		Nguyễn Thanh Đăng	Chi Lăng	2	1.40
52	Lê Thành Duy	Trương Vĩnh Ký	Nguyễn Đình Chiểu	3	1.40
		Nguyễn Thanh Đăng	Nguyễn Hữu Thọ	2	1.40
53	Lê Thị Bạch Vân (Khu tái định cư Đông QL56)	Lâm Quang Ky	Nguyễn Mạnh Tường	3	1.40
54	Lê Văn Duyệt	Nguyễn Văn Cừ	Trần Chánh Chiếu	4	1.40
		Nguyễn Văn Cừ	Khu phố 5	4	1.40
55	Lương Thế Vinh			4	1.40
56	Lý Thường Kiệt	Dương Bạch Mai	Nguyễn Thanh Đăng	1	1.40
		Nguyễn Thanh Đăng	Chi Lăng	2	1.40
57	Lý Tự Trọng			2	1.40
58	Mộng Huê Lâu (Khu tái định cư Đông QL56)	Lâm Quang Ky	Nguyễn Mạnh Tường	3	1.40
59	Nam Quốc Cang	Trần Hưng Đạo	Trục đông tây giáo xứ Dũng Lạc	3	1.40
60	Ngô Đình Chất (A5 - tái định cư Bắc 55)	Nguyễn Bính	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
61	Ngô Đức Kế			3	1.40
62	Ngô Gia Tự	Nguyễn Thanh Đăng	Nguyễn Hữu Thọ	2	1.40
63	Ngô Gia Tự (đường vào Trường Lê Thành Duy)	Nguyễn Hữu Thọ	Lê Duẩn	2	1.40
64	Ngô Văn Tịnh (Cánh Đồng Mắt Mèo)	Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 51	3	1.40
65	Nguyễn Hồng (Đường phía sau UBND phường Phước Trung)	Lê Duẩn	Hết nhựa	3	1.40
66	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Hữu Cảnh	Trương Phúc Phan	3	1.40
67	Nguyễn Bính (Nguyễn Lương Bằng - tái định cư Bắc 55)	Phi Yến	Lê Duẩn	3	1.40
68	Nguyễn Bình	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Linh	3	1.40
		Nguyễn Văn Linh	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
69	Nguyễn Chánh (Hoàng Văn Thái - TĐC Bắc 55)	Tôn Đức Thắng	Lê Duẩn	3	1.40
70	Nguyễn Cư Trinh			3	1.40
71	Nguyễn Du			2	1.40
72	Nguyễn Đình Chiểu	Quốc lộ 51	Huỳnh Ngọc Hay	2	1.40
		Huỳnh Ngọc Hay	Đường 27/4	3	1.40

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
73	Nguyễn Huệ			2	1.40
74	Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 51	Suối Lò Ô	3	1.40
75	Nguyễn Hữu Thọ	Quốc lộ 51	Cách Mạng Tháng Tám	1	1.40
		Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Linh	2	1.40
		Nguyễn Văn Linh	Hùng Vương	3	1.40
76	Nguyễn Khoa Đăng	Nguyễn Văn Hường	Nguyễn Phúc Chu	4	1.40
77	Nguyễn Mạnh Hùng	Nguyễn Văn Cừ	Khu phố 2	3	1.40
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đường mòn	4	1.40
78	Nguyễn Mạnh Tường (Khu tái định cư Đông QL56)	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
79	Nguyễn Minh Khanh (Đinh Tiên Hoàng)	Võ Thị Sáu	Hết đường nhựa	4	1.40
80	Nguyễn Tất Thành (quy hoạch số 2 cũ)	Quốc lộ 51	Điện Biên Phủ	2	1.40
		Điện Biên Phủ	Hùng Vương	3	1.40
81	Nguyễn Thái Bình			3	1.40
82	Nguyễn Thành Châu			3	1.40
83	Nguyễn Thanh Đăng	Quốc lộ 51	Ngã 4 Xóm Cát	1	1.40
84	Nguyễn Thị Định	CMT8	Hết đường nhựa	3	1.40
85	Nguyễn Thị Minh Khai	Tôn Đức Thắng	Lê Duẩn	3	1.40
86	Nguyễn Trãi			2	1.40
87	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 55	Chợ Long Toàn (cổng)	2	1.40
		Chợ Long Toàn	Võ Thị Sáu	2	1.40
88	Nguyễn Văn Hường	Trần Hưng Đạo	Chu Văn An	3	1.40
89	Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thanh Đăng	Nguyễn Tất Thành	2	1.40
		Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Định	2	1.40
90	Nguyễn Văn Trỗi	27/4	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
91	Phạm Hùng	Trần Hưng Đạo	Trường Chinh	3	1.40
92	Phạm Hữu Chí			2	1.40
93	Phạm Ngọc Thạch			3	1.40
94	Phạm Ngọc Thạch (Khu tái định cư Đông QL56)	27/4	Hùng Vương		1.40
		Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3	1.40
95	Phạm Thiệu			4	1.40
96	Phạm Văn Bạch			4	1.40
97	Phạm Văn Đồng	Trường Chinh	Cách Mạng Tháng Tám	3	1.40
98	Phan Châu Trinh (đường phía Bắc trung tâm hành chính tỉnh)	Nguyễn Tất Thành	Phạm Văn Đồng	3	1.40
99	Phan Đăng Lưu	Cầu Điện Biên Phủ	Nguyễn Hữu Cảnh	3	1.40
100	Phân lô Long Kiên				1.40
	H1 - Nguyễn Văn Hường	Nguyễn Văn Hường	Hết đường trái nhựa	4	1.40
	H3 - Nguyễn Văn Hường	Nguyễn Văn Hường	Nhà thờ Long Kiên	4	1.40
		Nhà thờ Long Kiên	Hết đường trái nhựa	4	1.40
H1 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Thái Văn Lung	4	1.40	



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
	H3- Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Nhà thờ Long Kiên	4	1.40
101	Phan Văn Trị (Đường vào KCN khí thấp áp)	Quốc lộ 51	Hết nhựa	3	1.40
102	Phan Văn Trị (số 5 cũ)	Quốc lộ 51	Trịnh Đình Thảo	4	1.40
		Trịnh Đình Thảo	Giáp ranh huyện Tân Thành	4	1.40
103	Phi Yến (A2 - tái định cư Bắc 55)	Nguyễn Văn Linh	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
104	Quốc lộ 51	Cầu Cỏ May	Trạm thu phí	3	1.40
		Trạm thu phí	Nguyễn Hữu Thọ, Trần Xuân Độ	2	1.40
		Nguyễn Hữu Thọ, Trần Xuân Độ	Cầu Sông Dinh	2	1.40
		Cầu Sông Dinh	Nguyễn Hữu Cảnh	3	1.40
		Tô Nguyệt Đình	Nguyễn Hữu Cảnh	3	1.40
		Ngã 3 Hòa Táng	Giáp Tân Thành	3	1.40
105	Rạch Gầm - Xoài Mút	Quốc lộ 51	Trịnh Đình Thảo	4	1.40
106	Tạ Quang Bửu			3	1.40
107	Tạ Uyên (A4 - tái định cư Bắc 55)	Nguyễn Bính	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
108	Tô Hiệu (A3 - tái định cư Bắc 55)	Nguyễn Bính	Huỳnh Tấn Phát	3	1.40
109	Tô Nguyệt Đình	Quốc lộ 51	Nguyễn An Ninh	3	1.40
110	Tôn Đức Thắng	Cách Mạng Tháng Tám	Trần Hưng Đạo	3	1.40
111	Tỉnh lộ 44	Vòng xoay Long Toàn	Vũng Vần	3	1.40
112	Trần Chánh Chiêu			4	1.40
113	Trần Huy Liệu	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	3	1.40
114	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Phạm Hùng	3	1.40
115	Trần Phú	Võ Thị Sáu	Hết địa phận phường Long Tâm	4	1.40
116	Trần Quang Diệu			3	1.40
117	Trần Xuân Độ (P.Phước Trung)			3	1.40
118	Trần Xuân Soạn (Cánh đồng Mất Mèo)	Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 51	3	1.40
119	Trịnh Đình Thảo	Rạch Gầm - Xoài Mút	Phan Văn Trị	3	1.40
120	Trịnh Đình Thảo (Đường bên hông núi Đức Mẹ)	Nguyễn Hữu Cảnh	Trương Tấn Bửu	4	1.40
121	Trương Công Quyền (Đường số 22 - Phía đông chợ Kim Dinh)	Quốc lộ 51	Trịnh Đình Thảo	4	1.40
122	Trương Định	Đường 27/4	Hùng Vương	3	1.40
123	Trương Hán Siêu	Nguyễn Văn Cừ	Ranh Bộ đội Biên phòng	3	1.40
		Nguyễn Văn Cừ	Phạm Thiệu	3	1.40
		Phạm Thiệu	Trần Chánh Chiêu	4	1.40
124	Trương Phúc Phan			3	1.40
125	Trương Tấn Bửu	Quốc lộ 51	Trịnh Đình Thảo	4	1.40
126	Trương Vĩnh Ký			2	1.40
127	Trường Chinh (vành đai tỉnh)	Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Văn Đồng	2	1.40
		Phạm Văn Đồng	Tỉnh lộ 44A	3	1.40
128	Tuệ Tĩnh			4	1.40

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
129	Ung Văn Khiêm			4	1.40
130	Võ Ngọc Chấn	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn An Ninh	3	1.40
		Nguyễn An Ninh	Phan Đăng Lưu	4	1.40
131	Võ Thị Sáu	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3	1.40
		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Cừ	3	1.40
		Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Long Điền	3	1.40
132	Võ Văn Kiệt	Võ Thị Sáu	Ranh phường Long Tâm, xã Hòa Long	3	1.40
133	Võ Văn Tần			4	1.40
134	Vũ Trọng Phụng (Cánh Đồng Mắt Mèo)	Hoàng Việt	Ngô Văn Tịnh	3	1.40
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU GÒ CÁT					
1	Cao Triều Phát			4	1.40
2	Chu Văn An	Nguyễn Phúc Chu	Lê Hữu Trác	4	1.40
3	Đường GD1	Khu tái định cư Gò Cát 6	Trộn đường (trái nhựa)	4	1.40
4	Đường GD2	Khu tái định cư Gò Cát 6	Trộn đường (trái nhựa)	4	1.40
5	Đường GD3	Khu tái định cư Gò Cát 6	Trộn đường (trái nhựa)	4	1.40
6	Hà Huy Giáp			4	1.40
7	Hàn Mặc Tử (Lê Văn Lương)	Nguyễn Văn Hưởng	Phan Bội Châu	4	1.40
8	Hoài Thanh	Lê Chân	Lê Long Vân	4	1.40
9	Hoàng Văn Thụ (GN2)	Phan Bội Châu	Võ Văn Kiệt	4	1.40
10	Hồ Đắc Di	Lê Long Vân	Hoàng Hoa Thám	4	1.40
11	Kha Vạn Cân	Nguyễn Văn Hưởng	Lê Hữu Trác	4	1.40
12	Kỳ Đồng	Thích Thiện Chiếu	Cao Triều Phát	4	1.40
13	Lê Chân (GN3)	Nguyễn Văn Nguyễn	Võ Văn Kiệt	4	1.40
14	Lê Hữu Trác	Hoàng Hoa Thám	Chu Văn An	4	1.40
15	Lê Long Vân			4	1.40
16	Lê Văn Hưu			4	1.40
17	Lưu Hữu Phước	Nguyễn Phúc Chu	Lê Hữu Trác	4	1.40
18	Nguyễn Huỳnh Đức	Thích Thiện Chiếu	Hoàng Hoa Thám	4	1.40
19	Nguyễn Hữu Huân	Nguyễn Phúc Chu	Lê Hữu Trác	4	1.40
20	Nguyễn Hữu Tiến			4	1.40
21	Nguyễn Phúc Chu	Võ Thị Sáu	Hoàng Hoa Thám	4	1.40
		Nguyễn Hữu Huân	Chu Văn An	4	1.40
22	Nguyễn Trọng Quân	Hoàng Hoa Thám	Chu Văn An	4	1.40
23	Nguyễn Văn Nguyễn			4	1.40
24	Phan Anh (GN2)	Phan Bội Châu	Nguyễn Văn Hưởng	4	1.40
25	Phan Bội Châu			4	1.40
26	Thích Thiện Chiếu	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Văn Nguyễn	4	1.40
		Nguyễn Hữu Tiến	Hồ Đắc Di	4	1.40
27	Trịnh Hoài Đức	Nguyễn Văn Hưởng	Nguyễn Trọng Quân	4	1.40

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ H20					
1	Bùi Xuân Phái (Nguyễn Việt Xuân)			4	1.40
2	Huỳnh Khương An (B2)	Đường 27/4	Phạm Ngọc Thạch	3	1.40
3	Lưu Chí Hiếu (B1)	Đường 27/4	Trần Khánh Dư (A1)	3	1.40
4	Nguyễn Chánh Sắt (Tôn Thất Thuyết)			4	1.40
5	Phạm Phú Thứ (A2)			4	1.40
6	Phan Văn Hớn (B5)	Tôn Thất Thuyết (A3)	Huỳnh Khương An(B2)	4	1.40
7	Tản Đà (B4)	Hùng Vương	Huỳnh Khương An(B2)	3	1.40
8	Tăng Bạt Hồ (A4)			4	1.40
9	Trần Khánh Dư (A1)	Nguyễn Văn Trỗi	Huỳnh Khương An(B2)	4	1.40
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TRIỀU PHÁT					
1	Đặng Thị Mai (Đặng Thai Mai)	Thái Văn Lung	Nguyễn Thần Hiến	4	1.40
2	Đoàn Thị Điềm (Ngô Quyền)	Thái Văn Lung	Nguyễn Thần Hiến	4	1.40
3	Lê Thị Riêng (Bùi Thị Xuân)	Trần Huy Liệu	Nguyễn Thị Thập	4	1.40
4	Lý Ban (QHTP1)	Đặng Thị Mai	Trần Huy Liệu	4	1.40
5	Nguyễn Khánh Toàn	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Thập	3	1.40
6	Nguyễn Thần Hiến (Nguyễn Văn Thoại)	Nguyễn Tất Thành	Trần Huy Liệu	3	1.40
7	Nguyễn Siêu (QHTP2)	Trần Huy Liệu	Hết tuyến	4	1.40
8	Thái Văn Lung	Nguyễn Tất Thành	Hết via hè	3	1.40
		Không via hè	Nguyễn Văn Hường	4	1.40
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ LONG TOÀN 2					
1	Đặng Thái Thân (B7)	Nguyễn Thái Học	Kha Vạn Cân	4	1.40
2	Hồ Thành Biên (Ông Ích Khiêm)	Hoàng Hoa Thám	Nguyễn Lâm	4	1.40
3	Huỳnh Mẫn Đạt (A2)	Trần Phú	Lý Chí Thăng	4	1.40
4	Lê Anh Xuân (Nguyễn Trung Trực)	Xuân Diệu	Nguyễn Lâm	4	1.40
5	Lý Chí Thăng (Phạm Phú Thứ)	Hoàng Hoa Thám	Phùng Hưng	4	1.40
6	Mai Hắc Đế (A3)	Võ Văn Kiệt	Thiếu Sơn	4	1.40
7	Nam Cao (B6)	Hoàng Hoa Thám	Huỳnh Mẫn Đạt	4	1.40
8	Nguyễn Biểu (B5)	Hoàng Hoa Thám	Kha Vạn Cân	4	1.40
9	Nguyễn Chích (B1)	Hoàng Hoa Thám	Nguyễn Trực	4	1.40
10	Nguyễn Hiền (A1)	Trần Phú	Nam Cao	4	1.40
11	Nguyễn Lâm (Võ Trường Toản)	Hồ Thành Biên	Trần Phú	4	1.40
12	Nguyễn Quyền (A6)	Nguyễn Thái Học	Đặng Thái Thân	4	1.40
13	Nguyễn Thái Học	Hoàng Hoa Thám	Nguyễn Lâm	4	1.40
14	Nguyễn Trực(B3)	Xuân Diệu	Kha Vạn Cân	4	1.40
15	Nguyễn Xí (B4)	Hoàng Hoa Thám	Huỳnh Mẫn Đạt	4	1.40
16	Nhất Chi Mai (A4)	Hồ Thành Biên	Trần Phú	4	1.40
17	Phùng Hưng (A5)	Nguyễn Thái Học	Đặng Thái Thân	4	1.40
18	Thiếu Sơn (B2)	Xuân Diệu	Kha Vạn Cân	4	1.40
19	Xuân Diệu (Lý Nam Đế)	Võ Văn Kiệt	Lý Chí Thăng	4	1.40
NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG VIÊN 30-4					
1	Các tuyến đường trong khu TĐC 30-4			4	1.40
2	Đường D7 (tái định cư 30-4)	Lý Thái Tổ	Lê Văn Duyệt	4	1.40
3	Đường N5 (Lý Thái Tổ) (tái định cư	Phạm Hùng	Đường D7	4	1.40

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
	30-4)				
4	Đường TDC1 (tái định cư 30-4)	Phạm Hùng	Đường D7	4	1.40
5	Đường TDC3 (tái định cư 30-4)	Lê Văn Duyệt	Đường TDC6	4	1.40
6	Đường TDC4 (tái định cư 30-4)	Đường TDC3	Đường TDC5	4	1.40
7	Đường TDC5 (tái định cư 30-4)	Lê Văn Duyệt	Đường TDC6	4	1.40
8	Đường TDC6 (tái định cư 30-4)	Phạm Hùng	Đường D7	4	1.40
9	Đường TDC7 (tái định cư 30-4)	Đường TDC3	Đường TDC5	4	1.40
10	Lê Văn Duyệt (tái định cư 30-4)	Phạm Hùng	Đường D7	4	1.40

NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG MỚI BỔ SUNG

1	Lý Đại Hành (đường số 14 – phường Kim Dinh)	Quốc lộ 51	Tuyến tránh QL56	4	1.40
2	Tôn Đức Thắng (TĐC Đông QL56)	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi	3	1.40
3	Hoàng Đạo Thành (TĐC Đông QL56)	Mộng Huê Lâu	Nguyễn Tất Thành	3	1.40
4	Lê Bình (D4) (TĐC Đông QL56)	Trần Nguyên Đán	Hoàng Đạo Thành	3	1.40
5	Nguyễn Hồng Lam (TĐC Đông QL56)	Nguyễn Mạnh Tường	Nguyễn Văn Trỗi	3	1.40
6	Trần Nguyên Đán (TĐC Đông QL56)	Nguyễn Hồng Lam	Mộng Huê Lâu	3	1.40
7	H2- Phan Châu Trinh (đường vào khu nhà ở công ty Địa Lợi)	Phan Châu Trinh	Hết nhựa	3	1.40
8	Văn Tiến Dũng (phường Phước Hưng)	Ranh xã Tân Hưng, phường Phước Hưng	Mô Xoài (đường bên hông tinh đội)	3	1.40
9	Mô Xoài (phường Phước Hưng - đường bên hông tinh đội)	Hùng Vương	Văn Tiến Dũng	3	1.40
10	Trần Quốc Toàn (đường gom QL51)	Trần Xuân Soạn	Hoàng Việt	3	1.40
11	Tổng Duy Tân (đường song song với Trần Quốc Toàn)	Trần Xuân Soạn	Võ Trường Toàn (đường gom QL51)	3	1.40
12	Võ Trường Toàn	Trần Quốc Toàn (đường gom QL51)	Vũ Trọng Phụng	3	1.40

NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TẠI KHU TĐC BẮC HƯƠNG LỘ 10, PHƯỜNG LONG TÂM

1	Lê Long Vân (tên cũ: Đường N5)	Trần Phú	Nguyễn Thái Học	4	1.40
2	Nguyễn Minh Khanh (tên cũ: Đường D4)	Hoàng Hoa Thám	Lê Long Vân	4	1.40
3	Nguyễn Thái Học (tên cũ: Đường D1)	Hoàng Hoa Thám	Lê Long Vân	3	1.40
4	Bùi Dương Lịch (tên cũ: Đường D2)	Hoàng Hoa Thám	Đặng Xuân Bảo	4	1.40
5	Đặng Phúc Thông (tên cũ: Đường D3)	Lê Long Vân	Nguyễn Bá Phát	4	1.40



6	Hà Văn Lao (tên cũ: Đường D5)	Lê Long Vân	Nguyễn Bá Phát	4	1.40
7	Lương Hữu Khánh (tên cũ: Đường D6)	Hoàng Hoa Thám	Huỳnh Bá Chánh	4	1.40
8	Nguyễn Bá Phát (tên cũ: Đường N2)	Lương Hữu Khánh	Bùi Dương Lịch	4	1.40
9	Đặng Xuân Bảo (tên cũ: Đường N3)	Nguyễn Thái Học	Đặng Phúc Thông	4	1.40
10	Huỳnh Bá Chánh (tên cũ: Đường N4)	Trần Phú	Hà Văn Lao	4	1.40
11	Nguyễn Tất Thành (nối dài)	Hoàng Diệu	Mô Xoài	3	1.40
12	Phạm Văn Đồng	Cách Mạng Tháng Tám	Điện Biên Phủ	3	1.40
13	Nguyễn Thị Định	Điện Biên Phủ	Phạm Hùng	3	1.40

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đường 20A	Quốc lộ 56	Giáp ranh khu dân cư Lan Anh	1	1.40
2	Hùng Vương (xã Hòa Long)	Mô Xoài (đường bên hông tinh đội)	Ngã 4 Hòa Long	1	1.40
3	Hương lộ 2	Ngã 5 Long Điền	Tiếp giáp đoạn có via hè	1	1.40
		Đoạn có via hè	Đường 22	1	1.40
		Đường 22	Hết đoạn không có via hè	1	1.40
4	Hương lộ 3	Đoạn có via hè		1	1.40
		Đoạn không có via hè (thuộc xã Hòa Long)		1	1.30
5	Hương lộ 8	Tỉnh lộ 52	Đường số 1	1	1.30
		Đường số 1	Ngã 5 Long Điền	1	1.30
6	Nguyễn Hữu Cảnh (thuộc xã Tân Hưng)	Suối Lò Ô	Đường Phước Tân	1	1.30
7	Phước Tân - Châu Pha (từ Cầu Nhà máy nước đến giáp Châu Pha)	Cầu Máy nước	Mốc địa giới xã Tân Hưng -Châu Pha 02 X.I	1	1.30
		Mốc địa giới xã Tân Hưng -Châu Pha 02 X.I	Giáp Châu Pha	1	1.30
8	Quốc lộ 56	Ngã 4 Hòa Long	Đường số 3	1	1.30
		Đường số 3	Đường số 13	1	1.30
		Đường số 13	Giáp Châu Đức	1	1.30
9	Tỉnh lộ 52	Ngã 4 Hòa Long	Đường số 45	1	1.30
		Đường số 45	Ranh xã Hòa Long, Long Phước	1	1.30

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
		Ranh xã Hòa Long, Long Phước	Đường vào địa đạo Long Phước	1	1.30
		Đường vào địa đạo Long Phước	Hết địa phận xã Long Phước	1	1.30
10	Trần Phú	Ngã 4 Hòa Long	Hết địa phận xã Hòa Long	1	1.30
11	Văn Tiến Dũng (xã Tân Hưng)	Phước Tân - Châu Pha	Ranh xã Tân Hưng, phường Phước Hưng	1	1.30
12	Võ Văn Kiệt	Ranh phường Long Tâm, xã Hòa Long	Hương Lộ 2	1	1.30
13	Mô Xoài (xã Hòa Long - đường bên hông tinh đội)	Hùng Vương	Ranh xã Hòa Long, phường Phước Hưng	1	1.30
14	Đường 11B (xã Hòa Long)	Võ Văn Kiệt	Đoạn có vỉa hè	1	1.30
		Đoạn không có vỉa hè	Tỉnh lộ 52	1	1.30
15	Đường 69 (sau lưng Chợ Hòa Long)	Hương lộ 2	Đường số 40	1	1.30
16	Tuyến tránh Quốc lộ 56	Quốc lộ 56	Xã Tân Hưng	1	1.30
17	Các tuyến đường giao thông nông thôn đã được trải nhựa, bê tông xi măng có chiều rộng từ 4m trở lên			2	1.30
18	Các tuyến đường còn lại chưa được xác định ở khu vực 1, khu vực 2 nêu trên			3	1.30



PHỤ LỤC 03
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN THÀNH

(Kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ					
STT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Bạch Mai (quy hoạch đường I khu dân cư Ngọc Hà)	Ngô Quyền	Phan Bội Châu	3	1,5
2	Độc Lập (Quốc lộ 51 cũ)			1	1,5
3	Đường Quy hoạch 8A khu dân cư Ngọc Hà	Quốc lộ 51 (Đường Độc Lập)	Phạm Hữu Chí	3	1,5
4	Đường 12 nối 13	Lê Lợi	Nguyễn Chí Thanh	3	1,5
5	Đường số 29 đô thị mới Phú Mỹ (TT. Phú Mỹ)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa của khu tái định cư 25 ha	2	1,5
6	Hoàng Diệu (quy hoạch số 3)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
7	Hoàng Hoa Thám (quy hoạch đường số 5 khu dân cư Ngọc Hà)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
8	Hoàng Việt (quy hoạch số 7 cũ)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
9	Hùng Vương (quy hoạch đường P)	Trường Chinh	Đường vành đai khu Đô thị mới Phú Mỹ 22 ha	3	1,5
10	Huỳnh Thúc Kháng (quy hoạch đường số 25)	Quốc lộ 51	Đường vành đai khu tái định cư 25 ha	3	1,5
11	Huỳnh Tịnh Của (quy hoạch G cũ)	Ngô Quyền	Phan Bội Châu	3	1,5
12	Lê Duẩn (quy hoạch số 26)	Quốc lộ 51	Ranh Khu TĐC 25ha	3	1,5
		Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
13	Lê Lợi (quy hoạch số 12)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
		Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Đông	3	1,5

14	Lê Quý Đôn (quy hoạch số 2)	Bạch Mai	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
15	Ngô Quyền (quy hoạch số 1)	Bạch Mai	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
16	Nguyễn Chí Thanh (quy hoạch số 13)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
17	Nguyễn Cư Trinh (quy hoạch số 4 cũ)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
18	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	3	1,5
19	Nguyễn Huệ (ChinFon cũ)	Quốc lộ 51	Ranh KCN Phú Mỹ 1	2	1,5
20	Nguyễn Lương Bằng (quy hoạch số 10)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
21	Nguyễn Trãi (quy hoạch số 11)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
		Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Đông	3	1,5
22	Nguyễn Tất Thành	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa	3	1,5
23	Nguyễn Văn Linh (đường chính vào cảng Bà Rịa Serece cũ)	Quốc lộ 51	Ngã 3 Nhà máy thép Vinakyoei	2	1,5
24	Phạm Hữu Chí (quy hoạch F)	Ngô Quyền	Phan Bội Châu	3	1,5
25	Phạm Ngọc Thạch (quy hoạch H)			3	1,5
26	Phạm Văn Đồng (quy hoạch số 27 cũ)	Quốc lộ 51	Ranh Khu TĐC 25ha	3	1,5
27	Phan Bội Châu (quy hoạch số 8)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Tây	3	1,5
28	Phan Châu Trinh (vào Nhà máy nhiệt điện cũ)	Quốc lộ 51	Hết tuyến	2	1,5
29	Tôn Đức Thắng (quy hoạch số 15)	Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Đông	2	1,5
30	Tôn Thất Tùng (Vạn Hạnh cũ)	Quốc lộ 51	Hết tuyến	3	1,5
31	Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 51 (vào khu công nghiệp Phú Mỹ I)	Ranh KCN Phú Mỹ 1	2	1,5



		Quốc lộ 51	Hết tuyến đường nhựa về phía Đông	2	1,5
32	Trường Chinh (đường 81)	Quốc lộ 51	Ranh giới xã Tóc Tiên	3	1,5
33	Những tuyến đường nội bộ và đường viên khác thuộc khu trung tâm thương mại Phú Mỹ			2	1,5
34	Những tuyến đường giao thông trong đô thị chưa được xác định ở trên, được trải nhựa, có chiều rộng lòng đường từ 4m trở lên và không phải là vị trí 2 của đường loại 3 và hẻm chính, hẻm phụ hay hẻm của hẻm của các đường phố loại 1,2			3	1,5
35	Những tuyến đường giao thông trong đô thị chưa được xác định ở trên, được trải nhựa có chiều rộng từ 4m trở lên, có điểm đầu tiếp giáp Quốc lộ 51 (Đường Độc Lập)			3	1,5
36	Những tuyến đường nội bộ và đường viên khác thuộc khu tái định cư 25ha thị trấn Phú Mỹ, 44ha thị trấn Phú Mỹ, 15 ha thị trấn Phú Mỹ và khu dân cư đợt đầu Đô thị mới Phú Mỹ (22ha)			3	1,5
37	Đường phía Bắc khu tái định cư 44ha			3	1,5
38	Đường phía Đông khu tái định cư 44ha			3	1,5

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

B.1	ĐỐI VỚI ĐỊA BÀN XÃ MỸ XUÂN VÀ XÃ TÂN PHƯỚC				
STT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đường 8A Xã Mỹ Xuân	Quốc lộ 51	Đường A	1	1,3
2	Đường 965 (Đường vào cảng Cái Mép)	Trộn tuyến		1	1,3
3	Đường A Xã Mỹ Xuân	Đường 8A	Hết đoạn bê tông nhựa về phía Bắc	1	1,3
4	Đường Mỹ Xuân – Ngãi Giao (huyện Tân Thành)	Quốc lộ 51	Ranh giới xã Hắc Dịch	1	1,3
5	Đường Mỹ Xuân - Tóc Tiên (Phước Hội - Tóc Tiên)	Quốc lộ 51	Ranh giới xã Tóc Tiên	2	1,3
6	Đường số 29 đô thị mới Phú Mỹ (xã Tân Phước)	Quốc lộ 51	Ranh khu tái định cư 25ha	1	1,3
7	Đường tập đoàn 7 Phước Bình	Quốc lộ 51	Ranh giới xã Hắc Dịch	1	1,3

8	Đường Tóc Tiên – Phú Mỹ (Thuộc xã Tóc Tiên)	Đoạn qua xã Mỹ Xuân		1	1,3
9	Đường vành đai khu CN Mỹ Xuân B1	Đường Mỹ Xuân – Ngãi Giao	Đường vào KCN Mỹ Xuân B1	1	1,3
10	Đường vào khu công nghiệp B1- Tiến Hùng	Đường vào KCN Mỹ Xuân B1	Đường vào khu nhà máy sản xuất Chăn len và bao bì đựng chăn len (Boomin Vina)	1	1,3
11	Đường vào khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Quốc lộ 51	Ranh KCN Mỹ Xuân B1	1	1,3
12	Đường vào khu nhà máy sản xuất Chăn len và bao bì đựng chăn len (Boomin Vina)	Đường vào KCN B1 Tiến Hùng	Hết tuyến	1	1,3
13	Nguyễn Huệ (ChinFon cũ)	Đoạn qua xã Tân Phước		1	1,3
14	Quốc lộ 51: xã Mỹ Xuân, Tân Phước	Đoạn xã Mỹ Xuân, Tân Phước		1	1,3
15	Các tuyến đường giao thông còn lại chưa được xác định ở các vị trí, khu vực trên đã được trải nhựa, có chiều rộng từ 3 m đến dưới 4 m			2	1,3
16	Các tuyến đường giao thông còn lại chưa được xác định ở trên, đường được trải nhựa, có chiều rộng từ 4 m trở lên			2	1,3
17	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có điểm đầu tiếp giáp Quốc lộ 51 có chiều rộng từ 6m đến dưới 8m			2	1,3
18	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có điểm đầu tiếp giáp Quốc lộ 51 có chiều rộng từ 8m trở lên			2	1,3
19	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có chiều rộng từ 6m đến dưới 8m			2	1,3
20	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có chiều rộng từ 8m trở lên			2	1,3
21	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, đường được đổ bê tông, có chiều rộng dưới 4m			2	1,3
22	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, đường được đổ bê tông, có chiều rộng từ 4 m trở lên			2	1,3
23	Các tuyến đường giao thông còn lại do UBND huyện, xã quản lý (50m đầu)			3	1,3
B. ĐỐI VỚI ĐỊA BÀN CÁC XÃ CÒN LẠI					
STT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		



1	Đường Hắc Dịch – Bà Phụng – Châu Pha	Mỹ Xuân – Ngãi Giao	Đường Phước Tân - Châu Pha	1	1,15
2	Đường Hội Bài – Tóc Tiên - Châu Pha	Đoạn sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 51 trở vào Km số 3		1	1,15
3		Đoạn còn lại (từ Km số 3 đến giáp ranh huyện Châu Đức)		1	1,15
3	Đường Hắc Dịch - Tóc Tiên - Châu Pha	Vòng xoay Hắc Dịch	Về phía Bắc dài 597m (Đoạn đã thi công mới có dải cây xanh phân cách)	1	1,15
		Vòng xoay Hắc Dịch	Về phía Nam dài 775m (Đoạn đã thi công mới có dải cây xanh phân cách)	1	1,15
		Đoạn còn lại		1	1,15
4	Đường Láng Cát – Long Sơn	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Long Sơn	1	1,15
5	Đường Mỹ Xuân – Ngãi Giao (huyện Tân Thành)	Ranh giới giữa xã Mỹ Xuân và xã Hắc Dịch	Ranh giới huyện Châu Đức	1	1,15
6	Đường Mỹ Xuân - Tóc Tiên (Phước Hội - Tóc Tiên)	Đoạn qua xã Tóc Tiên		2	1,15
7	Đường tập đoàn 7 Phước Bình	Đoạn qua xã Hắc Dịch		1	1,15
8	Đường Phước Tân – Châu Pha	Đoạn giáp ranh TP Bà Rịa 300m trở về huyện Tân Thành		1	1,15
		Đoạn còn lại		1	1,15
9	Đường E trung tâm xã Hắc Dịch	Đường Hắc Dịch - Tóc Tiên nối dài	Hết tuyến	1	1,15
10	Đường F trung tâm xã Hắc Dịch	Vòng xoay Hắc Dịch	Hết tuyến	1	1,15
11	Đường I trung tâm xã Hắc Dịch	Vòng xoay trung tâm văn hóa Hắc Dịch	Hết tuyến	1	1,15
12	Đường số 3 trung tâm xã Hắc Dịch	Vòng xoay trung tâm văn hóa Hắc Dịch	Hết tuyến đường về phía Bắc	1	1,15

		Vòng xoay trung tâm văn hóa Hắc Dịch	Hết tuyến đường về phía Nam (đoạn đã thi công mới)	1	1,15
13	Đường số 7 trung tâm xã Hắc Dịch	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao	Hết tuyến	1	1,15
14	Đường số 8 trung tâm xã Hắc Dịch	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao	Hết tuyến	1	1,15
15	Đường số 9 trung tâm xã Hắc Dịch	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao	Hết tuyến	1	1,15
16	Đường số 10 trung tâm xã Hắc Dịch	Đường F trung tâm xã Hắc Dịch	Hết tuyến	1	1,15
17	Đường Sông Xoài – Cù Bị	Đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao	Ranh giới huyện Châu Đức	2	1,15
18	Đường Tóc Tiên – Phú Mỹ (Thuộc xã Tóc Tiên)	Đoạn qua xã Tóc Tiên		1	1,15
19	Quốc lộ 51: Phước Hòa, Tân Hòa, Tân Hải	Đoạn qua xã Phước Hòa, Tân Hòa, Tân Hải		1	1,15
20	Đường vào cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao	Đường tập đoàn 7 Phước Bình		1,15
21	Đường D trung tâm xã Hắc Dịch				1,15
22	Các tuyến đường giao thông còn lại chưa được xác định ở các vị trí, khu vực trên đã được trải nhựa, có chiều rộng từ 3 m đến dưới 4 m			2	1,15
23	Các tuyến đường giao thông còn lại chưa được xác định ở trên, đường được trải nhựa, có chiều rộng từ 4 m trở lên			2	1,15
24	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có điểm đầu tiếp giáp Quốc lộ 51 có chiều rộng từ 6m đến dưới 8m			2	1,15
25	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có điểm đầu tiếp giáp Quốc lộ 51 có chiều rộng từ 8m trở lên			2	1,15



26	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có chiều rộng từ 6m đến dưới 8m	2	1,15
27	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, có chiều rộng từ 8m trở lên	2	1,15
28	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, đường được đổ bê tông, có chiều rộng dưới 4m	2	1,15
29	Các tuyến đường giao thông do nhà nước quản lý chưa được xác định ở trên, đường được đổ bê tông, có chiều rộng từ 4 m trở lên	2	1,15
30	Các tuyến đường giao thông còn lại do UBND huyện, xã quản lý (50m đầu)	3	1,15





PHỤ LỤC 04

DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 43 / 2017/QĐ-UBND ngày 22/tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Âu Cơ (đường số 1 cũ)	Nguyễn Văn Trỗi	Đường quy hoạch số 25	3	1.30
2	Bình Giã (đường số 3 cũ)	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	2	1.30
3	Điện Biên Phủ (đường số 2 cũ)	Âu Cơ	Đường quy hoạch số 25	2	1.30
4	Đình Tiên Hoàng	Phùng Hưng	Hoàng Hoa Thám	3	1.30
5	Đường 9B	Ngô Quyền	Lê Lai	3	1.30
6	Đường Huyện Đò (thuộc địa phận thị trấn Ngãi Giao)	Quốc lộ 56	Lô cao su Nông trường Bình Ba	4	1.30
7	Đường giáp ranh xã Bình Ba (thuộc địa phận thị trấn Ngãi Giao)	Quốc lộ 56	Lô cao su Nông trường Bình Ba	4	1.30
8	Hoàng Hoa Thám (đường số 9 cũ)	Ngô Quyền	Lê Lợi	1	1.30
		Lạc Long Quân	Ngô Quyền	2	1.30
		Lê Lợi	Hùng Vương	2	1.30
9	Hùng Vương (Quốc lộ 56 cũ)	Âu Cơ	Đường Trần Phú	1	1.30
		Đường Trần Phú	Đường quy hoạch số 11	1	1.30
		Đường quy hoạch số 11	Giáp ranh xã Bình Ba	2	1.30
		Âu Cơ	Giáp ranh xã Bàu Chinh	2	1.30
10	Lạc Long Quân	Đường quy hoạch số 11	Đến cuối đường	3	1.30
11	Lê Hồng Phong (đường số 8 cũ)	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	1	1.30
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường quy hoạch số 25	1	1.30
		Đường quy hoạch số 25	Cầu Bình Giã	1	1.30
		Đường Lê Lai	Giáp ranh xã Láng Lớn và thị trấn Ngãi Giao	3	1.30
12	Lê Lai (đường số 13 cũ)	Đường quy hoạch số 11	Lê Hồng Phong	2	1.30
13	Lê Lợi (đường số 16 cũ)	Lê Hồng Phong	Lý Thường Kiệt	1	1.30
		Âu Cơ	Lê Hồng Phong	2	1.30
14	Lý Thường Kiệt (đường số 10 cũ)	Ngô Quyền	Lê Lợi	1	1.30
		Lạc Long Quân	Ngô Quyền	2	1.30
		Lê Lợi	Đường số 25	2	1.30
15	Ngô Quyền (đường số 14 cũ)	Lê Hồng Phong	Lý Thường Kiệt	1	1.30
16	Nguyễn Du (đường số 9A cũ)	Lê Lợi	Đến cuối đường	3	1.30
17	Nguyễn Chí Thanh (đường số	Hùng Vương	Âu Cơ	2	1.30

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
	4 cũ)	Hùng Vương	Đường quy hoạch số 25	2	1.30
18	Nguyễn Văn Trỗi (đường số 6 cũ)	Âu Cơ	Hùng Vương	2	1.30
19	Những trục đường trong khu Trung tâm thương mại (tên cũ: Những trục đường đối diện với khu chợ và trong Khu Trung tâm thương mại)	Những trục đường đối diện nhà lồng chợ trong khu Trung tâm thương mại		1	1.30
		Những trục đường còn lại trong khu Trung tâm thương mại		2	1.30
20	Phùng Hưng (đường số 14A cũ)	Lê Lai	Đến cuối đường	3	1.30
21	Trần Hưng Đạo (đường số 17 cũ)	Âu Cơ	Đường quy hoạch số 11	2	1.30
22	Trần Phú (đường số 5 cũ)	Âu Cơ	Đường quy hoạch số 25	2	1.30
23	Trần Quốc Toàn	Lê Lai	Ngô Quyền	3	1.30
24	Đường số 25 thị trấn Ngãi Giao	Đường Âu Cơ (đường số 1 cũ)	Đường Lý Thường Kiệt	2	1.30
25	Đường số 11 thị trấn Ngãi Giao	Đường Lạc Long Quân	Hết đường số 11	2	1.30
26	Đường quy hoạch số 26	Đường số 11	Đường Lê Hồng Phong	3	1.30
27	Đường quy hoạch Khu 26 lô đất ở mới thị trấn Ngãi Giao	Các tuyến đường đã hoàn thiện theo quy hoạch		3	1.30
28	Đường Ngãi Giao – Cù Bị.	Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ Lê Lai đến giáp ranh xã Láng Lớn)	Ranh giới xã Bàu Chinh	4	1.30

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đường số 19, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56 trở vào		2	1.20
2	Đường 21, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56 trở vào		2	1.20
3	Đường số 31, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 150 tính từ đường liên xã Suối Nghệ - Nghĩa Thành trở vào		2	1.20
4	Đường 765	Sau mét thứ 200 (mỗi bên) tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình trở vào		2	1.20
5	Đường Suối Rao – Xuân Sơn (tên cũ: Đường Bình Ba – Đá Bạc – Xuân Sơn)	Sau mét thứ 200 tính từ đường Mỹ Xuân – Ngãi Giao - Hòa Bình trở vào	Sau mét thứ 50 tính từ đường Hội Bài – Châu Pha – Đá Bạc – Phước Tân trở vào	2	1.20
6	Đường Bình Giã – Đá Bạc – Long Tân	Sau mét thứ 250 tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình	Giáp ranh huyện Đất Đỏ	2	1.20
7	Đường Bình Giã – Ngãi Giao – Quảng Thành	Sau mét thứ 250 tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình	Đường Kim Long - Quảng Thành	2	1.20
8	Đường Cây Da - Liên Sơn	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Ấp Liên Sơn, xã Xà Bang	2	1.20



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
9	Đường giáp ranh xã Bàu Chĩnh và thị trấn Ngãi Giao (thuộc xã Bàu Chĩnh)	Sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 56 trở vào	Lô cao su Nông trường Bình Ba	2	1.20
10	Đường giáp ranh xã Bình Ba và thị trấn Ngãi Giao (thuộc xã Bình Ba)	Sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 56 trở vào	Lô cao su Nông trường Bình Ba	2	1.20
11	Đường Hội Bài – Châu Pha – Đá Bạc – Phước Tân (tên cũ Đường Hội Bài – Châu Pha – Đá Bạc)	Sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 56 trở vào (thuộc xã Suối Nghệ)	Tuyến kênh chính đoạn 2 thuộc công trình Hồ chứa nước Sông Ray (thuộc xã Suối Nghệ)	1	1.30
		Tuyến kênh chính đoạn 2 thuộc công trình Hồ chứa nước Sông Ray (thuộc xã Suối Nghệ)	Hết ranh giới huyện Châu Đức (tiếp giáp xã Châu Pha, huyện Tân Thành)	1	1.30
		Sau mét thứ 150 tính từ Quốc lộ 56 trở vào (thuộc xã Bình Ba)	Hết ranh giới huyện Châu Đức (tiếp giáp huyện Xuyên Mộc)	1	1.30
12	Đường Kim Long - Cầu Sắt	Sau mét thứ 250 tính từ QL 56	Cầu Sắt, xã Kim Long	2	1.20
13	Đường Kim Long – Láng Lớn	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Đầu lô cao su Nông trường cao su Châu Thành	2	1.20
		Đầu lô cao su Nông trường cao su Châu Thành	Đường Xà Bang – Láng Lớn	2	1.20
14	Đường Kim Long – Quảng Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Đầu lô cao su Nông trường cao su Xà Bang	2	1.20
		Đầu lô cao su Nông trường cao su Xà Bang	Giáp ranh tỉnh Đồng Nai	2	1.20
15	Đường Mỹ Xuân – Ngãi Giao - Hoà Bình	Hết tuyến		1	1.30
16	Đường liên tổ 45 ấp Bình Mỹ, xã Bình Ba	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Đến cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
17	Đường liên xã Suối Nghệ – Láng Lớn	Sau mét thứ 150 tính từ đường liên xã Suối Nghệ - Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình	2	1.20
18	Đường liên xã Suối Nghệ - Nghĩa Thành	Sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 56 trở vào thuộc xã Suối Nghệ	Sau mét thứ 100 tính từ Quốc lộ 56 trở vào thuộc xã Nghĩa Thành	1	1.30
19	Đường Ngãi Giao – Cù Bị	Sau mét thứ 50 tính từ đường Xà Bang – Láng Lớn	Đường vào xã Cù Bị	2	1.20
		Sau mét thứ 50 tính từ đường Xà Bang – Láng Lớn	Hết ranh giới xã Bàu Chĩnh (tiếp giáp với thị trấn Ngãi Giao)	2	1.20

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
20	Đường Quảng Phú – Phước An	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Đường 765	2	1.20
21	Đường Quốc lộ 56 Bàu Chinh	Sau mét thứ 250 tính từ Quốc lộ 56	Đường Bình Giã - Ngãi Giao - Quảng Thành	2	1.20
22	Đường Suối Nghệ – Mụ Bân	Sau mét thứ 150 tính từ đường liên xã Suối Nghệ - Nghĩa Thành	Cuối đường, giáp huyện Tân Thành	2	1.20
23	Đường Tân Hoà - Tân Xuân	Sau mét thứ 250 tính từ Quốc lộ 56	Đầu ấp Tân Xuân, xã Bàu Chinh	2	1.20
24	Đường Thạch Long-Khu 3	Sau mét thứ 250 tính từ Quốc lộ 56	Đường Kim Long - Quảng Thành	2	1.20
25	Đường vào ấp Hậu Cần	Sau mét thứ 250 tính từ QL 56	Ấp Hậu Cần, xã Quảng Thành	2	1.20
26	Đường vào ấp Quảng Thành 2, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Vào ấp Quảng Thành 2	2	1.20
27	Đường vào ấp Sông Cầu, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Vào ấp Sông Cầu	2	1.20
28	Đường vào ấp Tam Long	Sau mét thứ 250 tính từ Quốc lộ 56	Vào ấp Tam Long, xã Kim Long	2	1.20
29	Đường vào Bàu Sen (đường Xà Bang – Quảng Thành cũ)	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Lô cao su (hết ranh giới ấp Xà Bang 2)	2	1.20
		Lô cao su (hết ranh giới ấp Xà Bang 2)	Bàu Sen	2	1.20
30	Đường vào thác Sông Ray	Sau mét thứ 200 tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình	Thác Sông Ray (giáp huyện Xuyên Mộc)	2	1.20
31	Quốc lộ 56	Đoạn qua thị trấn Ngãi Giao, xã Kim Long		1	1.30
		Đoạn qua các xã còn lại		1	1.30
32	Đường vào thôn Quảng Long	Sau mét thứ 250 tính từ Quốc lộ 56	Thôn Quảng Long, xã Kim Long	2	1.20
33	Đường vào xã Cù Bị	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Cù Bị	2	1.20
34	Đường vào Xóm Tre	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Xóm Tre, xã Suối Nghệ	2	1.20
35	Đường Xà Bang – Láng Lớn	Hết tuyến		2	1.20
36	Đường Xóm lười, xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56	Đến cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
37	Các tuyến đường nhựa thuộc khu dân cư xã Bình Ba	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56 trở vào các tuyến đường tiếp giáp Quốc lộ 56 và các tuyến đường còn lại		2	1.20
38	Các tuyến đường nhựa thuộc khu dân cư xã Bình Giã và xã Bình Trung	Sau mét thứ 250 (mỗi bên) tính từ đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hòa Bình trở vào tiếp giáp với đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hòa Bình và các tuyến đường còn lại		2	1.20
39	Các tuyến đường nhựa thuộc khu dân cư xã Xuân Sơn và xã Sơn Bình	Sau mét thứ 250 (mỗi bên) tính từ đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình trở vào tiếp giáp với đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình và các tuyến đường còn lại		2	1.20



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
40	Các tuyến đường nhựa thuộc khu dân cư xã Suối Nghệ và xã Nghĩa Thành	Sau mét thứ 150m (mỗi bên) tính từ đường liên xã Suối Nghệ - Nghĩa Thành trở vào và các tuyến đường còn lại		2	1.20
41	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại chưa được xác định ở trên, đã được láng nhựa và phần láng nhựa có chiều rộng từ 4m trở lên (trường hợp hai đầu của các tuyến đường này tiếp giáp với các tuyến đường có tên trong danh mục thì được xác định theo khu vực, vị trí của tuyến đường có giá trị cao nhất)				
42	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại chưa được xác định ở trên, đã được láng nhựa và phần láng nhựa có chiều rộng dưới 4m (trường hợp hai đầu của các tuyến đường này tiếp giáp với các tuyến đường có tên trong danh mục thì được xác định theo khu vực, vị trí của tuyến đường có giá trị cao nhất)				
43	Đường Gò Thùng thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
44	Đường khu A lô 200 thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
45	Đường Nghĩa địa Sơn Lập - Tân Lập thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
46	Đường Nghĩa địa Tân Bình thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
47	Đường ông Phóng thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
48	Đường Phúc Lãm thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
49	Đường Sơn Thành thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
50	Đường Suối Đá thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
51	Đường Xuân Trường thuộc xã Sơn Bình	Sau mét thứ 300 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Cuối đường (đã láng nhựa)	2	1.20
52	Đường nối tỉnh lộ 52 và Quốc lộ 56 thuộc xã Đá Bạc	Tỉnh lộ 52 giáp cống Cây Me (ranh giới giữa xã Đá Bạc và xã Long Phước)	Trường Quân sự tỉnh (ranh giới giữa xã Đá Bạc và xã Long Phước)	2	1.20
53	Đường Xuân Sơn – Đá Bạc	Sau mét thứ 200 tính từ đường liên huyện Mỹ Xuân – Ngãi Giao – Hòa Bình	Đường Bình Ba – Đá Bạc – Xuân Sơn	2	1.20
54	Đường trong khu tái định cư phục vụ dự án khu công nghiệp - đô thị Châu Đức	Tuyến đường N3 dài 636m (trục đường Suối Nghệ - Mụ Bân cũ)		2	1.20
		Các tuyến đường còn lại		2	1.20
55	Đường Ấp Bắc – xã Hòa Long đi thôn Quảng Phú – xã Đá Bạc	Sau mét thứ 150 tính từ Quốc lộ 56 trở vào	Hết ranh giới huyện Châu Đức (tiếp giáp thành phố Bà Rịa)	2	1.20
56	Đường vào Bệnh viện Tâm thần	Sau mét thứ 250 tính từ QL 56 trở vào	Hết ranh đất Bệnh viện Tâm thần	2	1.20
57	Đường vào trạm y tế và trụ sở UBND xã Bàu Chính	Sau mét thứ 200 tính từ Quốc lộ 56 trở vào		2	1.20



PHỤ LỤC 05:
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUYỀN MỘC
(Kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Bạch Mai	Bình Giã	Phạm Văn Đồng	2	1.25
2	Bình Giã	QL 55	Giáp Quốc lộ 55 thuộc xã Xuyên Mộc	2	1.25
3	Các đoạn đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu:	Giao đường Huỳnh Minh Thạnh (Tiệm cơ khí Hiền Thủy) vòng sau chợ Phước Bửu	Cửa hàng Honda Đại Hải (giáp Quốc lộ 55)	2	1.25
		Quốc lộ 55 (tiệm vàng Phú Kim) - Huỳnh Minh Thạnh	Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 30 và thửa 01 tờ bản đồ số 31 - giáp đường bên hông quán Nguyễn	2	1.25
4	Đoạn đường từ đường 27/4 (thửa 113, 114 tờ BĐ số 31) đến giáp đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu (thửa 87, 88 tờ BĐ số 22) (tên cũ: <i>Đoạn đường từ đường 27/4 đến giáp đường đoạn đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu (bên hông quán Nguyễn)</i>)			2	1.25
5	Đoạn đường từ Quốc lộ 55 đến đường Bình Giã (sau Ủy ban nhân dân huyện)			2	1.25
6	Trần Bình Trọng (tên cũ: Đoạn giao QL 55 và đường 27/4 (Bên hông Chi nhánh Ngân hàng Công Thương)	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
7	Đoạn Quốc lộ 55 còn lại thuộc thị trấn Phước Bửu			2	1.25
8	Đoạn Quốc lộ 55 nối tắt đi xã Bông Trang			2	1.25
9	Đường 27/4 thị trấn Phước Bửu			1	1.25
10	Đường vành đai thị trấn Phước Bửu	Giáp Huỳnh Minh Thạnh	Khu tái định cư thị trấn Phước Bửu	2	1.25
11	Đường Xuyên Phước Cơ	Ngã ba bên xe	Giao đường 27/4, có vỉa hè	1	1.25
		Đường 27/4	Hết ranh giới thị trấn Phước Bửu	2	1.25
12	Hoàng Việt	Bình Giã	Hết đường nhựa	2	1.25
13	Hùng Vương (Điện Biên Phủ cũ)	Đoạn có vỉa hè		2	1.25
14	Huỳnh Minh Thạnh	Giáp Quốc lộ 55	Điểm giáp đường 27/4	1	1.25
		Đường 27/4	Đường Hùng Vương	1	1.25
		Đường Hùng Vương	Đường Xuyên Phước Cơ	2	1.25
		Trường Huỳnh Minh Thạnh		2	
15	Lê Lợi	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
16	Lý Tự Trọng	Đoạn có trải nhựa		2	1.25
17	Nguyễn Huệ	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
18	Nguyễn Minh Khanh	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
19	Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
20	Phạm Hùng	Xuân Phước Cơ	Huỳnh Minh Thạnh	2	1.25
		Huỳnh Minh Thạnh	Đoạn đường từ đường 27/4 (thửa 113, 114 tờ BĐ số 31) đến giáp đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu	2	1.25
21	Phạm Văn Đồng	Quốc lộ 55	Bình Giã	2	1.25
22	Quốc lộ 55	Đoạn đường 1 chiều thị trấn Phước Bửu có vỉa hè		1	
23	Tôn Đức Thắng	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
24	Tôn Thất Tùng	Quốc lộ 55	Bình Giã	2	1.25
25	Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
26	Trần Phú	Đoạn đường nhựa có vỉa hè		2	1.25
		Đoạn đường còn lại (đá xô bồ)		4	1.15
27	Trần Văn Trà	Quốc lộ 55	Đường 27/4	2	1.25
28	Võ Thị Sáu	Quốc lộ 55	Ranh giới giữa thị trấn Phước Bửu- xã Phước Tân	2	1.25
29	Đường bên hông Trung tâm văn hóa cộng đồng thị trấn Phước Bửu	Phạm Hùng	Đường 27/4	2	1.25
30	Đoạn đường từ đường 27/4 (thửa 193, 194 tờ BĐ số 32) đến đường Huỳnh Minh Thạnh (thửa 78, 130 tờ BĐ số 82) (tên cũ: Đoạn đường từ đường 27/4 (đối diện quán Nguyễn) đến đường Vành đai (đoạn trải nhựa)			2	1.25
31	Đường lô khu tái định cư còn lại có chiều rộng nhỏ hơn 6m			2	1.25
32	Đường lô khu tái định cư còn lại có chiều rộng từ 6m trở lên			2	1.25
33	Đường nhựa có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m			4	1.15
34	Đường nhựa có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên, có vỉa hè			2	1.25
35	Đường nhựa có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên, không có vỉa hè			3	1.25
36	Các tuyến đường giao thông đá xô bồ, sỏi đỏ được nhà nước đầu tư xây dựng có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên (tên cũ: Các tuyến đường còn lại chưa xác định ở trên được nhà nước đầu tư xây dựng, do huyện, thị trấn quản lý)			4	1.15



B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đoạn đi Hồ Cốc:	Giao Quốc lộ 55	Trụ sở Khu BTTN BC-PB	1	1.25
		Đoạn còn lại		1	1.25
2	Đoạn đường từ giao Quốc lộ 55 đến cầu Suối Ráng			1	1.25
3	Đoạn từ cầu Suối Ráng đến Suối nước nóng Bình Châu			1	1.25
4	Đường bên hông chợ Bình Châu	Đầu thửa đất số 28 & 246 tờ BĐ số 55	Hết thửa đất số 57 & 293 tờ BĐ số 57	1	1.25
Đường Bình Ba- Đá Bạc- Phước Tân					
5	a. Đoạn thuộc địa phận xã Xuyên Mộc	Từ ngã ba Tỉnh lộ 329	Đến hết thửa 644 Tờ BĐ số 04; thửa 06 Tờ BĐ số 07 thuộc xã Xuyên Mộc	1	1.25
		Từ đầu thửa 642 và 643 Tờ BĐ số 04 thuộc xã Xuyên Mộc	giáp ranh xã Phước Tân, hết thửa 235 Tờ BĐ số 05	1	1.25
	b. Đoạn thuộc địa phận xã Phước Tân	Từ thửa số 112, 89 Tờ BĐ số 48	Hết thửa số 06; 168 Tờ BĐ số 47	1	1.25
		Từ thửa số 30, 05 Tờ BĐ số 47	Giáp TL 328	1	1.25
		Từ giáp TL 328	Hết thửa số 429, 434 Tờ BĐ số 45	1	1.25
	Từ thửa số 360, 335 Tờ BĐ số 45	Hết thửa số 248, 273 Tờ BĐ số 44	1	1.25	
c. Các đoạn còn lại	Từ thửa số 246; 264 Tờ BĐ số 44	Hết thửa số 215, 156 tờ BĐ số 44 (Sông Ray)	1	1.25	
6	Đường Bình Giã thuộc địa phận xã Xuyên Mộc			1	1.25
7	Đường Chuông Quýt Gò Cát:	Quốc lộ 55	Hết thửa đất số 296 & 247 tờ BĐ số 10	1	1.25
		Thửa đất 244 & 298 tờ bản đồ số 10	Hết thửa 451 & 477 tờ bản đồ số 15	1	1.25
		Thửa đất 476 & 452 tờ bản đồ số 15	Thửa đất 374 & 390 tờ bản đồ số 16	1	1.25
		Thửa 376 & 388 tờ BĐ 16	Giao với đường nhựa	1	1.25
Đường liên tỉnh lộ 328 (đi qua các xã Phước Thuận, Phước Tân, Hòa Bình, Hòa Hưng, Bàu Lâm, Tân Lâm)					
8	a. Đoạn xã Phước Thuận				1.25
	- Đoạn 1: Đoạn có vỉa hè	Giáp đường Quốc lộ 55 (Bến xe khách Xuyên Mộc)	Giáp đường 27/4 thị trấn Phước Bửu	1	1.25
	- Đoạn 2	Đường 27/4	Hết ranh giới thị trấn Phước Bửu	1	1.25

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
	- Đoạn 3	Thửa đất số 79 tờ bản đồ số 28 (Nhà nghỉ Hải Đăng)	Thửa đất số 684, 327 tờ BĐ số 34 giáp biển Hồ Tràm	1	1.25
	- Đoạn 4	Các đoạn còn lại		1	1.15
	b. Đoạn thuộc xã Phước Tân	Giáp ranh thị trấn Phước Bửu thuộc địa phận xã Phước Tân (đoạn có via hè)		1	1.25
		Giáp đoạn có via hè	Hết thửa đất số 2 tờ BĐ số 1	1	1.25
		Các đoạn còn lại		1	1.15
	c. Đoạn thuộc xã Hòa Bình				
	- Đoạn 1: đoạn trung tâm xã	Đầu thửa đất số 107 và 110, tờ BĐ số 02 (bản đồ đo mới)	Hết thửa đất số 172 và thửa số 197, tờ bản đồ số 08 (bản đồ đo mới)	1	1.25
	- Đoạn 2	Các đoạn còn lại		1	1.15
	d. Đoạn thuộc xã Hòa Hưng	Đầu thửa đất số 335, tờ BĐ số 12	Hết thửa đất số 10, tờ BĐ số 10	1	1.25
		Các đoạn còn lại		1	1.15
	e. Đoạn thuộc xã Bàu Lâm	Đầu thửa đất số 697, tờ BĐ số 71	Hết thửa đất số 11, tờ BĐ số 71	1	1.25
		Các đoạn còn lại		1	1.15
	g. Đoạn thuộc xã Tân Lâm	Đường GTNT ấp Suối Lê - đầu thửa đất số 519, tờ BĐ số 57	Đường GTNT Tân Lâm-Hòa Hiệp - hết thửa đất số 302, tờ BĐ số 42	1	1.25
		Các đoạn còn lại		1	1.15
9	Đường từ ngã ba đường 328 đến cầu Suối Ly			1	1.25
10	Đường từ Ngã ba Láng Găng đến Bến Lội Bình Châu	Ngã ba Láng Găng	Giao đường ven biển (ngay chợ Bình Châu)	1	1.25
		Ngã ba chợ cũ	Bến Lội	1	1.25
11	Đường từ ngã ba 328 đến cầu Sông Ray (giáp huyện Châu Đức)			1	1.25
12	Đường liên tỉnh lộ 329 (đi qua các xã Xuyên Mộc, Hòa Hội, Hòa Hiệp)				
	a. Đoạn thuộc xã Xuyên Mộc				1.25
	- Đoạn 1: Đoạn trung tâm xã	Đầu thửa đất số 5315& 5318, tờ bản đồ số 7	Hết thửa đất số 1161& 1162, tờ bản đồ số 2	1	1.25
	- Đoạn 2	Đường giao thông nông thôn - đầu thửa đất 1159& 1160 tờ BĐ số 2	Cầu 1 giáp xã Hòa Hội - hết thửa 1100&1101 tờ BĐ số 2	1	1.15
	b. Đoạn thuộc xã Hòa Hội	Trường mẫu giáo trung tâm - đầu thửa đất số 380 tờ bản đồ 26	Nhà thờ - hết thửa đất số 145, tờ bản đồ số 18	1	1.25
		Đầu thửa 120 tờ BĐ số 15	Hết thửa 340, tờ BĐ số 11	1	1.15
		Các đoạn còn lại		1	1.15
c. Đoạn thuộc xã Hòa Hiệp:	Trường Trần Đại Nghĩa - đầu thửa đất số 29&58, tờ BĐ 113	Ngã ba Bàu Ma - hết thửa đất số 136 & 149, tờ BĐ 104	1	1.15	



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số	
		Từ	Đến			
13		Tư Thắng - đầu thửa đất số 63, tờ BĐ 38	Trường Trần Đại Nghĩa - hết thửa đất số 59, tờ BĐ 113	1	1.15	
		Ngã ba Bàu Ma - hết thửa đất số 149 và đầu thửa 121, tờ BĐ 104	Đến hết thửa 06&214, tờ BĐ 136	1	1.15	
	Đường ven biển:				1.25	
	- Đoạn 1	Cầu Lộc An	Ngã tư Hồ Tràm	1	1.25	
	- Đoạn 2	Ngã ba khu du lịch Vietsovpetro	Hết khu du lịch Ngân Hiệp	1	1.25	
	- Đoạn 3	Ngã tư Hồ Tràm xã Phước Thuận	Hết thửa đất số 41 tờ BĐ số 38 xã Bình Châu	1	1.25	
	- Đoạn 4: Đoạn hết thửa đất số 41 tờ BĐ số 38 đến hết thửa đất số 7 & 8 tờ BĐ số 29 xã Bình Châu	Đoạn có via hè		1	1.25	
		Đoạn chưa có via hè		1	1.25	
	- Đoạn 5	Hết Thửa đất số 7&8 tờ BĐ số 29	Cầu Suối Đá 2 và Quốc lộ 55	1	1.25	
	- Đoạn 6	Cầu Suối Đá 2	Giáp Quốc lộ 55	1	1.25	
	Quốc lộ 55 đi qua các xã Xuyên Mộc, Bông Trang, Bưng Riềng, Bình Châu, Phước Thuận					
	a. Đoạn thuộc xã Phước Thuận:					1.25
	- Đoạn 1: Giáp ranh với thị trấn Phước Bửu	Đầu thửa đất số 14 & 90, tờ BĐ số 03	Hết thửa đất số 78 & 101, tờ BĐ số 03	1	1.25	
- Đoạn 2	Thửa đất số 77 & 822, tờ bản đồ số 03	Hết thửa đất số 250 & 280, tờ BĐ số 03	1	1.25		
- Đoạn 3	Đầu thửa đất số 251 & 291, tờ bản đồ số 03	Hết thửa đất số 126 & 136, tờ bản đồ số 06	1	1.25		
- Đoạn 4	Đầu thửa đất số 127 và 137, tờ bản đồ số 06	Hết thửa đất số 150 & 325, tờ bản đồ số 5 - Đầu cầu Trọng	1	1.25		
b. Đoạn thuộc xã Xuyên Mộc:					1.15	
- Đoạn 1	Đầu thửa đất số 449 tờ BĐ số 12	Ngã ba đường GTNT - hết thửa đất số 2356 & 1957 tờ BĐ số 10	1	1.15		
- Đoạn 2	Đầu thửa đất số 2264 & 2269 tờ BĐ số 10	Hết thửa đất số 542 & 5436, tờ BĐ số 09 (giáp ranh xã Bông Trang)	1			
- Đoạn 3	Thửa đất số 2326 & 1958, tờ BĐ số 10	Hết thửa số 2268 & 2262, tờ BĐ số 10	1	1.15		
- Đoạn Quốc lộ 55 mới:	Giáp ranh TT Phước Bửu	Hết thửa đất số 109 & 1453 tờ BĐ 12	1	1.15		
	Đoạn còn lại		1	1.15		
- Các đoạn còn lại (thuộc Quốc lộ 55 cũ)				1	1.15	

14

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
c. Đoạn thuộc xã Bông Trang:		Thửa đất số 1119&1275	Thửa 1156&1225 tờ bản đồ số 8	1	1.15
		Cầu Sông Hòa	Thửa 53, tờ BĐ số 10 (ngay bùng binh ngã ba)	1	1.15
		Các đoạn còn lại		1	1.15
d. Đoạn thuộc xã Bung Riềng					1.25
- Đoạn 1: Đoạn trung tâm xã (1 km) từ xã hướng về Bông Trang 300m, hướng về Bình Châu 700m		Đầu thửa đất số 659&406, tờ BĐ số 21&22	Hết thửa đất số 756&791, tờ BĐ số 21	1	1.25
- Đoạn 2		Giáp thửa 276 tờ BĐ 26	Giáp ranh giới xã Bình Châu	1	1.25
- Đoạn 3		Đoạn còn lại		1	1.25
e. Đoạn thuộc xã Bình Châu:		Cầu Suối Muồng	Cầu Suối Đá 1	1	1.25
		Ranh giới xã Bung Riềng	Cách Trạm kiểm lâm 200m (cách 200m về hướng Bung Riềng)	1	1.25
		Đoạn còn lại		1	1.25
15	Các tuyến đường giao thông nông thôn có trải nhựa hoặc bê tông có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m			1	1.25
16	Các tuyến đường giao thông nông thôn có trải nhựa hoặc bê tông có nền đường rộng 6m trở lên			1	1.25
17	Các tuyến đường giao thông nông thôn đá xô bồ, sỏi đỏ được nhà nước đầu tư xây dựng có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m (theo thiết kế)			2	1.15
18	Các tuyến đường giao thông nông thôn đá xô bồ, sỏi đỏ được nhà nước đầu tư xây dựng có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên (theo thiết kế)			2	1.15
19	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại chưa xác định ở những tuyến đường trên do huyện, xã quản lý	Có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên		2	1.15
		Có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m		2	1.15
20	Các tuyến đường còn lại chưa được xác định ở những tuyến đường trên do huyện, xã quản lý			3	1.15



PHỤ LỤC 06
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LONG ĐIỀN
(Kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
A	Thị trấn Long Điền				
1	Bùi Công Minh	Ngã 4 Ngân Hàng	Miếu Cây Quéo	1	1.30
2	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư số 2 (Miếu Cây Quéo)			3	1.30
3	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư số 6			3	1.30
4	Cao Văn Ngọc	Bùi Công Minh	Phạm Hồng Thái	3	1.30
5	Châu Văn Biếc	Mạc Thanh Đạm	Chùa bà	3	1.30
6	Dương Bạch Mai	Ngã 5 Long Điền	Cây xăng Bàu Thành	2	1.30
7	Đường bên hông Trung học Cơ sở Văn Lương	Đường quy hoạch số 10	Đường quy hoạch số 7	3	1.30
8	Đường chữ U tại khu phố Long An	Ngã 3 Trường Trần Văn Quan	Ngã 3 nhà ông Bảy Vị giáp đường Võ Thị Sáu	3	1.30
9	Đường nội bộ Khu tái định cư Bắc Nam	Đoạn tiếp giáp đường Trần Xuân Độ - từ lô B35	Đường quy hoạch số 8 (bắt đầu đến hết lô B1)	3	1.30
10	Đường quy hoạch số 2	Võ Thị Sáu	Mạc Thanh Đạm	3	1.30
11	Đường quy hoạch số 7	Trần Xuân Độ	Mạc Thanh Đạm	3	1.30
12	Đường quy hoạch số 8	Võ Thị Sáu	Mạc Thanh Đạm	3	1.30
13	Đường quy hoạch số 9	Đường quy hoạch số 7	Dương Bạch Mai	3	1.30
14	Đường quy hoạch số 11	Mạc Thanh Đạm	Đường quy hoạch số 14	3	1.30
15	Đường quy hoạch số 12	Mạc Thanh Đạm	Đường quy hoạch số 14	3	1.30
16	Đường quy hoạch số 13	Mạc Thanh Đạm	Đường quy hoạch số 14	3	1.30
17	Đường quy hoạch số 14	Võ Thị Sáu	Hương lộ 10	3	1.30
18	Đường quy hoạch số 16	Phạm Hữu Chí	Giáp ranh xã An Ngãi	3	1.30
19	Đường quy hoạch số 17	Võ Thị Sáu	Quốc lộ 55	3	1.30
20	Đường Trường Trung học Cơ sở Văn Lương	Mạc Thanh Đạm	Trần Hưng Đạo	3	1.30
21	Đường từ ngã năm Long Điền đến Cầu bà Sún			3	1.30
22	Hồ Tri Tân	Võ Thị Sáu	Vòng xoay Vũng Vằn	3	1.30
23	Hương lộ 10	Ngã 5 Long Điền	Trại huấn luyện chó Long Toàn	3	1.30
24	Lê Hồng Phong	Đình Long Phượng	Đường quy hoạch số 7	3	1.30

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
25	Mạc Đĩnh Chi	Mạc Thanh Đạm	Nguyễn Công Trứ	3	1.30
26	Mạc Thanh Đạm	Đường bao Công Viên	Ngã 5 Long Điền	1	1.30
27	Ngô Gia Tự	Ngã 3 Bà ông Dân	Nguyễn Văn Trỗi	3	1.30
28	Nguyễn Công Trứ	Mạc Thanh Đạm	Trụ sở khu phố Long Liên	3	1.30
29	Nguyễn Thị Đẹp: đường Nhà thờ Long Điền	Đường quy hoạch số 17	Phạm Hồng Thái	3	1.30
30	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu	Lê Hồng Phong	3	1.30
31	Nguyễn Văn Trỗi (Đường Bắc - Nam giai đoạn 2)	Võ Thị Sáu	Quốc lộ 55	1	1.30
32	Phạm Hồng Thái	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Trỗi	3	1.30
33	Phạm Hữu Chí	Võ Thị Sáu	Đường TL44A	3	1.30
34	Phan Đăng Lưu			3	1.30
35	Quốc lộ 55	Vòng xoay Vũng Vằn	Giáp ranh xã An Ngãi	3	1.30
36	Tỉnh lộ 44A	Vòng xoay Vũng Vằn	Giáp ranh xã An Ngãi	2	1.30
37	Tỉnh lộ 44B	Ngã 3 Bà ông Dân	Giáp ranh xã An Ngãi	3	1.30
38	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	Dương Bạch Mai	3	1.30
39	Trần Xuân Độ (Đường Bắc - Nam giai đoạn 1)	Võ Thị Sáu	Dương Bạch Mai	1	1.30
40	Viên quanh chợ mới Long Điền	Mạc Thanh Đạm	Đường quy hoạch số 9	1	1.30
		Cổng sau chợ mới Long Điền	Đường quy hoạch số 9	1	1.30
		Dương Bạch Mai	Hết dãy phố Chợ Mới	1	1.30
41	Võ Thị Sáu	Miếu ông Hồ	Ngã 3 Bà ông Dân	1	1.30
		Ngã 3 Bà ông Dân	Cây xăng Bà Thành	2	1.30
B	Thị trấn Long Hải				
1	Đường nội bộ Khu TĐC số 1			3	1.50
2	Đường quy hoạch số 01	Đoạn viên quanh chợ mới Long Hải		1	1.50
		Đường viên quanh chợ mới Long Hải (từ thửa số 100, tờ BĐ số 91)	Đường quy hoạch số 8	1	1.50
		Đường quy hoạch số 8	Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	2	1.50
		Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	Quy hoạch số 11	3	1.50
		Đường quy hoạch số 11	Cuối tuyến về hướng núi	3	1.50
3	Đường quy hoạch số 2	Đường thị trấn Long Hải	Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	2	1.50
		Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	Cuối tuyến quy hoạch số 2	3	1.50
4	Đường quy hoạch số 3	Đường trung tâm thị trấn	Đường Tỉnh lộ 44A	2	1.50



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
			(GD2)		
		Tỉnh lộ 44A GD2	Cuối tuyến về hướng núi	3	1.50
5	Đường quy hoạch số 4	Đường thị trấn Long Hải	Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	2	1.50
		Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	Cuối tuyến quy hoạch số 4	3	1.50
6	Đường quy hoạch số 6	Ngã 3 Long Hải	Dinh Cô	1	1.50
7	Đường quy hoạch số 08	Quy hoạch số 01, thị trấn Long Hải	Cuối tuyến (khu vực đô thị)	2	1.50
8	Đường quy hoạch số 9	Phía sau Dinh Cô	Tỉnh lộ 44A (GD2)	2	1.50
		Tỉnh lộ 44A (GD2)	Cuối tuyến (gần đường ống dẫn khí về hướng núi)	2	1.50
9	Đường quy hoạch số 11	Quy hoạch số 01, thị trấn Long Hải	Cuối tuyến (khu vực đô thị)	3	1.50
10	Đường Tỉnh lộ 44A (GD2)	Giáp ranh xã Phước Hưng	Đường ống dẫn khí	2	1.50
		Đường ống dẫn khí	Đường Trung tâm thị trấn Long Hải	2	1.50
11	Đường trung tâm thị trấn Long Hải	Ngã 3 Lò Vôi	Giáp ranh thị trấn Phước Hải	1	1.50
12	Đường viên quanh chợ mới Long Hải			1	1.50
Điện Biên Phủ		Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	1	1.50
		Nguyễn Tất Thành	Hoàng Văn Thụ	2	1.50
		Hoàng Văn Thụ	Trần Hưng Đạo	2	1.50

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Bùi Công Minh	Ngã 3 Chợ Bến (địa phận xã An Ngãi)	Giáp ranh thị trấn Long Điền	1	1.20
2	Đường chữ Y - ấp Phước Thiện, xã Phước Tỉnh	Đường ven biển (đầu thừa số 35, 49, tờ BĐ số 79)	Đường Hương lộ 5 (cuối thửa đất số 62, 63 Tờ BĐ 87 và cuối thửa đất số 37, 42 Tờ BĐ 103)	1	1.50
3	Đoạn từ cây xăng Bàu Thành đến cống Bà Sáu			1	1.20
4	Đường Hải Lâm – Bàu Trú (xã Phước Hưng – xã Tam Phước)	Tỉnh lộ 44A	Tỉnh lộ 44A – GD2	1	1.30
		Tỉnh lộ 44A – GD2	Trường THCS Nguyễn Trãi (thửa 5 & 18, tờ BĐ số 38)	1	1.30

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
		Trường Trung học Cơ sở Nguyễn Trãi (thửa 5 và 18, tờ BĐ số 38)	Ngã 3 Trường bản Tam Phước (thửa số 14 và 20, tờ BĐ số 3)	1	1.30
		Ngã 3 trường bản Tam Phước (thửa số 14 và 20, tờ BĐ số 3)	Cuối tuyến	1	1.20
5	Đường liên xã Phước Hưng - Phước Tinh			1	1.30
6	Đường ngã ba Lò Vôi	Giáp ranh thị trấn Long Hải	Cầu Trắng thuộc xã Phước Hưng	1	1.30
7	Đường nội bộ khu tái định cư Phước Tinh	Toàn bộ các tuyến đường nội bộ khu tái định cư Phước Tinh		1	1.50
8	Đường quy hoạch số 16	Đoạn tiếp nối từ ranh thị trấn Long Điền	Quốc lộ 55 (Đoạn thuộc xã An Ngãi)	1	1.20
9	Đường từ Ngã tư xã Tam Phước đến giáp Quốc lộ 55 (qua Trung tâm Y tế huyện Long Điền)			1	1.20
10	Đường từ Quốc lộ 55 mới đến Trường bán trú Cao Văn Ngọc (giáp Hương lộ 14)			2	1.20
11	Đường vào cảng Hồng Kông	Hương lộ 5 (đầu thửa 212 và 132, tờ BĐ số 43)	Cuối tuyến	1	1.20
12	Đường vào cảng Lò Vôi	Hương lộ 5 (đầu thửa 204 và 250, tờ BĐ số 43)	Cuối tuyến	1	1.20
13	Đường ven biển	Cầu Cửa Lấp	Vòng xoay Phước Tinh	1	1.20
14	Đường Việt Kiều (xã Phước Hưng)	Hương lộ 5 (đầu thửa 164, tờ BĐ số 50 và đầu thửa 4, tờ BĐ số 93)	Đường liên xã Phước Hưng - Phước Tinh (đầu thửa 241 & 278, tờ BĐ số 54)	1	1.30
15	Hương lộ 5	Ngã 3 Lò Vôi	Vòng xoay Phước Tinh	1	1.30
		Vòng xoay Phước Tinh	Cảng Phước Tinh	1	1.50
16	Hương lộ 14	UBND xã Tam Phước	Chợ Bến - An Ngãi	1	1.20
17	Phan Đăng Lưu (qua xã An Ngãi)	Võ Thị Sáu	Ngã 3 cây Trường giáp đường Bùi Công Minh	1	1.20
18	Quốc lộ 55	Giáp ranh thị trấn Long Điền	Cầu Đất Đỏ	1	1.20
19	Tinh lộ 44A	Thuộc xã Phước Hưng		1	1.30
		Thuộc xã An Ngãi		1	1.20
20	Tinh lộ 44A - GD2 (Đoạn thuộc xã Phước Hưng)			1	1.30
21	Tinh lộ 44B	Ngã 3 Bà ông Dân	Cổng Bà Sáu	1	1.20
		Cổng Bà Sáu	Giáp xã Long Mỹ	1	1.20
22	Võ Thị Sáu	Ngã 3 Bà ông Dân	Cây xăng Đông Nam	1	1.20
23	Điện Biên Phủ (xã Phước Hưng)	Hương lộ 5	Nguyễn Tất Thành	1	1.30
		Nguyễn Tất Thành	Trần Hưng Đạo	2	1.30
24	Các tuyến đường nội bộ thuộc Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư An Ngãi (xã An Ngãi)			1	1.20



PHỤ LỤC 07
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
(Kèm theo Quyết định số 43 / 2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
A	Thị trấn Đất Đỏ				
1	Các tuyến đường nội bộ trong khu vực chợ Đất Đỏ			2	1.25
2	Đường Hàn Mạc Tử (tên cũ: Đường từ ngã 3 Cống Bà Bến (Quốc lộ 55) đến ngã 3 nhà máy Bà Nhị)			3	1.25
3	Đường Lương Thế Vinh và đường Lê Thị Hồng Gấm (tên cũ: Đường từ ngã 3 Đài nước ông Bạc (Quốc lộ 55) vòng qua ấp Phước Sơn đến ngã 5 cây xăng Công Dững (Quốc lộ 55))			3	1.25
4	Đường Phước Thạnh A8 (tên cũ: Đường từ ngã 3 Nhà hát Đất Đỏ đến ngã 4 Bà Thùi)			3	1.25
5	Đường Nguyễn Hữu Huân (tên cũ: Đường từ ngã 3 nhà máy Bà Hằng (Tỉnh lộ 52) đến Quán Mai Quế)			3	1.25
6	Đường Điện Biên Phủ (tên cũ: Đường từ ngã 3 nhà máy Bà Nga (Quốc lộ 55) đến ngã 3 nhà ông Phụng)			3	1.25
7	Đường Phan Đăng Lưu + đường Nguyễn Đình Chiểu + đường Hai bá Trưng (tên cũ: Đường từ ngã ba Ngân hàng chính sách (Quốc lộ 55) đến ngã 4 nhà Bà Muôn (Tỉnh lộ 52))			3	1.25
8	Đường Phạm Văn Đồng (tên cũ: Đường từ ngã ba trường học bà Nguyễn Thị Hoa (Quốc lộ 55) đến trạm y tế thị trấn Đất Đỏ (Giáp Tỉnh lộ 52))			3	1.25
9	Đường Tôn Đức Thắng (tên cũ: Đường từ ngã 3 ông Búa (Tỉnh lộ 52) đến ngã 4 ông Kiểm)			3	1.25
10	Đường Nguyễn Huệ (tên cũ: Đường từ ngã 3 Thánh Thất Cao Đài (Tỉnh lộ 52) đến ngã 4 Bà Đồi)			3	1.25
11	Đường Minh Đạm (tên cũ: Đường từ ngã 3 Trường học Phước Thới (Quốc lộ 55) đến giếng Bà Mụ)			3	1.25
12	Đường Mai Chí Thành (tên cũ: Đường từ ngã 4 nhà thờ Đất Đỏ (Tỉnh lộ 52) đến hết nhà thờ)			3	1.25
13	Đường Cách mạng tháng 8 (tên cũ: Đường từ ngã 4 ông Chín Quảng (Quốc lộ 55) đến ngã 4 nhà Bà Muôn (Tỉnh lộ 52))			3	1.25
14	Đường Cao Văn Ngọc (tên cũ: Đường từ ngã 4 Trường Trung học Cơ sở Đất Đỏ đến ngã 3 nhà máy ông Bảy Ngây)			3	1.25
15	Đường Cao Văn Ngọc và đường Lê Duẩn (tên cũ: Đường từ ngã 4 Trường Trung học Cơ sở Đất Đỏ đến ngã 4 Bà Đồi)			3	1.25
16	Đường Lê Duẩn (tên cũ: Đường từ ngã 5 cây xăng Công Dững đến ngã 3 nhà ông Phụng)			3	1.25
17	Quốc lộ 55	Khu vực ngã 4 đường hông trường Nguyễn	Ngã 5 cây xăng Công	1	1.25

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
		Thị Hoa và đường hông Ngân hàng chính sách	Dũng		
		Cầu Đất Đỏ	Khu vực ngã 4 đường hông trường Nguyễn Thị Hoa và đường hông Ngân hàng chính sách	2	1.25
		Ngã 5 cây xăng Công Dũng	Công Dầu (suối Bà Tùng)	2	1.25
18	TL52	Xí nghiệp đá Puzolan (ngã 3 Gò Bà Bình)	Ngã 4 nhà thờ Đất Đỏ	2	1.25
		Ngã 4 nhà thờ Đất Đỏ	Ngã 4 Bà Muôn	1	1.25
		Ngã 4 Bà Muôn qua trung tâm hành chính	Giáp xã Phước Hội	2	1.25
		Cầu Bà Sán	Xí nghiệp đá Puzolan (ngã 3 Gò Bà Bình)	2	1.25
19	Tuyến D1	Tuyến N1	Tuyến N6	3	1.25
		Tuyến N6	Tuyến N9	3	1.25
20	Tuyến D2	Tuyến N1	Tuyến N7	3	1.25
		Tuyến N7	Tuyến N9	3	1.25
21	Tuyến D3	Tuyến N1	Tuyến N7	3	1.25
		Tuyến N7	Tuyến N9	3	1.25
22	Tuyến N1			3	1.25
23	Tuyến N2, N4, N6			3	1.25
24	Tuyến N3, N5, N7, N8, N9, D4, D5			3	1.25
25	Các tuyến đường láng nhựa còn lại do thị trấn quản lý			3	1.25
26	Các tuyến đường cấp phối do thị trấn quản lý			3	1.25
B	Thị trấn Phước Hải				
1	02 tuyến đường nhựa bên hông nhà lồng chợ chính Phước Hải			2	1.25
2	Đường Ngô Quyền (tên cũ: Đoạn đường Bưu điện - Chùa Bà)			3	1.25
3	Đường Nguyễn An Ninh (tên cũ: Đoạn đường từ Ngã 3 Hàng Dương đến Công ty Đại Thành)			3	1.25
4	Đường Võ Văn Kiệt (tên cũ: Đường cung tránh đường ven biển từ cổng 2 đến cổng 3 khu du lịch Thủy Dương)			3	1.25
5	Đường Nguyễn Tất Thành (tên cũ: Đường EC từ Chợ mới qua Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải đến ngã 3 nhà ông Nguyễn Viết Hồng)			3	1.25
6	Đường Mạc Thanh Đạm (tên cũ: Đường Long Phù)			3	1.25
7	Đường Võ Văn Kiệt (tên cũ: Đường tránh ven biển dọc núi Minh Đạm từ ngã 3 Chùa Hòn Một đến			3	1.25



Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
	Cầu Bà Mía)				
8	Đường Ngô Quyền (tên cũ: Đường trung tâm: từ Trung tâm Văn hoá qua khu phố Phước An)			3	1.25
9	Đường Võ Thị Sáu (tên cũ: Đường ven biển):	Mũi Kỳ Vân	Ngã 3 Trường Trung học Cơ sở Phước Hải	2	1.25
		Ngã 3 Trường Trung học Cơ sở Phước Hải	Hết cầu Bà Mía (hết thị trấn Phước Hải)	2	1.25
10	Đường Trần Hưng Đạo (tên cũ: Đường ven biển Phước Hải - Lộc An)			3	1.25
11	Đường Nguyễn Văn Linh (tên cũ: Đường QH số 2)			3	1.25
12	Các tuyến đường láng nhựa còn lại do thị trấn quản lý			3	1.25
13	Các tuyến đường cấp phối do thị trấn quản lý			3	1.25

B. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đoạn đường thuộc Tỉnh lộ 52 từ Ngã 3 Phước Hội đến giáp Cống Cầu làng (giáp TT Đất Đỏ)			1	1.15
2	Đường trung tâm Long Mỹ từ TL44B qua UBND xã (TL44A) đến ngã 3 ông Quang Hồ			1	1.15
3	Đường từ Cảng tạm Lộc An đến ngã 3 giáp đường ven biển			1	1.15
4	Đường từ cầu ông Hem đến giáp QL55 (Phước Hội-Láng Dài- Phước Long Thọ) (thuộc xã Phước Long Thọ)			1	1.15
5	Đường từ ngã 3 Lộc An đến Giáp đường ven biển (đường Phước Hội đi Lộc An)			1	1.15
6	Đường từ ngã 3 Ông Chiêm (TL44A) đến UBND xã Long Mỹ và giáp đường vành đai trung tâm xã			1	1.15
7	Đường từ ngã 3 trạm xá Lộc An (đoạn qua UBND xã Lộc An) đến cầu ông Hem (giáp xã Phước Hội)			1	1.15
8	Đường ven biển	Ngã 3 quán Hương	Cầu Sa (giáp xã Lộc An)	1	1.15
		Cầu Sa	Cầu ông Hem (Quán Sáu An)	1	1.15
		Cầu ông Hem (Quán Sáu An)	Cầu sông Ray	1	1.15
9	QL55	Cống Dầu	Cầu Trọng (giáp huyện Xuyên Mộc)	1	1.15
10	TL44A	Cầu Bà Mía	Giáp TL52 (ngã ba UBND xã Phước Hội)	1	1.15
11	TL44B	Ngã 3 UBND xã Phước Hội	Ngã 3 Bàu Sắn	1	1.15
		Ngã 3 Bàu Sắn	Giáp xã Tam Phước (Huyện Long Điền)	2	1.15

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Khu vực	Hệ số
		Từ	Đến		
12	TL52	Cầu Bà Sắn	Bưng Long Tân (trường THCS Long Tân)	1	1.15
		Bưng Long Tân qua khu dân cư UBND xã Long Tân	Cầu Khánh Vân (hết xã Long Tân)	1	1.15
13	Các tuyến đường chưa xác định, đã được trải nhựa do xã quản lý			2	1.15
14	Các tuyến đường chưa xác định, đã được nâng cấp cấp phối do xã quản lý			2	1.15



PHỤ LỤC 08
DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÔN ĐẢO
(Kèm theo Quyết định số 43 / 2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
1	Đường Bến Đầm	Ngã 3 An Hải	Giáp ranh điểm đầu khu đất Trạm Kiểm lâm Bến Đầm	2	1.20
		Đoạn còn lại của tuyến		2	1.20
2	Đường Cỏ Ống				
	- Đoạn 1:	Giáp ranh điểm đầu khu đất Trạm Kiểm lâm Cỏ Ống	Sân bay Côn Sơn	2	1.20
	- Đoạn 2: Các đoạn còn lại của tuyến	Hết trạm Kiểm lâm Cỏ Ống	Ngã 3 Tam Lộ	2	1.20
3	Các tuyến đường chưa xác định tên, đã được huyện trải nhựa và đưa vào sử dụng			2	1.20
4	Đường quy hoạch Nhánh 1	Trần Phú	Phạm Văn Đồng	2	1.20
5	Đường quy hoạch Nhánh 2			2	1.20
6	Đường quy hoạch Nhánh 3 (đường vòng cung phía sau Trường Mầm non Tuổi Thơ)	Hồ Thanh Tòng	Hồ Thanh Tòng	2	1.20
7	Đường quy hoạch nhánh 4	Phạm Văn Đồng	Hồ Thanh Tòng	2	1.20
8	Hà Huy Giáp	Hồ Văn Mịch (điểm chờ Nguyễn Văn Linh nối dài)	Đường Bến Đầm	1	1.20
9	Hồ Thanh Tòng	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
10	Hồ Văn Mịch	Huỳnh Thúc Kháng	Hà Huy Giáp (điểm chờ Nguyễn Văn Linh nối dài)	2	1.20
11	Hoàng Phi Yến	Ngã 3 đi An Hải	Huỳnh Thúc Kháng	2	1.20
		Huỳnh Thúc Kháng	Hồ Văn Mịch		1.20
12	Hoàng Quốc Việt	Phạm Hùng	Vũ Văn Hiếu	1	1.20
13	Huỳnh Thúc Kháng	Hoàng Phi Yến	Ngã 3 Tam lộ (Võ Thị Sáu – Phan Chu Trinh – Huỳnh Thúc Kháng)	2	1.20
14	Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
15	Lê Đức Thọ	Nguyễn An Ninh	Tôn Đức Thắng	2	1.20
16	Lê Hồng Phong	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
17	Lê Văn Việt	Lê Duẩn	Lê Đức Thọ	2	1.20
18	Lương Thế Trân	Nguyễn Đức Thuận	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
19	Ngô Gia Tự	Nguyễn Huệ	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
20	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Huệ	Nguyễn Văn Cừ	1	1.20

Stt	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Loại đường	Hệ số
		Từ	Đến		
21	Nguyễn Đức Thuận	Ngã 4 Tôn Đức Thắng	Ngã 3 An Hải	1	1.20
22	Nguyễn Duy Trinh	Nguyễn Huệ	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
23	Nguyễn Huệ	Nguyễn Đức Thuận	Nguyễn Văn Cừ	1	1.20
24	Nguyễn Thị Minh Khai	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
25	Nguyễn Văn Cừ	Công viên Võ Thị Sáu	Lò Vôi	1	1.20
		Lò Vôi	Tam Lộ	2	1.20
26	Nguyễn Văn Linh	Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn An Ninh	1	1.20
27	Phạm Hùng	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
28	Phạm Quốc Sắc	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
29	Phạm Văn Đồng	Vũ Văn Hiếu	Nguyễn An Ninh	1	1.20
30	Phan Chu Trinh	Ngã 3 Tam Lộ	Ngã ba Võ Thị Sáu, Huỳnh Thúc Kháng	2	1.20
31	Tạ Uyên	Huỳnh Thúc Kháng	Huỳnh Thúc Kháng	2	1.20
32	Tô Hiệu	Nguyễn Huệ	Quy Hoạch Nhánh 3	1	1.20
33	Tôn Đức Thắng	Ngã 4 Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Cừ	1	1.20
34	Trần Huy Liệu	Nguyễn Huệ	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
35	Trần Phú	Vũ Văn Hiếu	Trần Huy Liệu	1	1.20
36	Võ Thị Sáu	Nguyễn Huệ	Đài tiếp hình	1	1.20
		Đài tiếp hình	Ngã 3 Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng	2	1.20
37	Vũ Văn Hiếu	Nguyễn Đức Thuận	Nguyễn Văn Linh	1	1.20
38	Đường Song Hành (Song song với đường Nguyễn Huệ)	Phạm Hùng	Hồ Văn Mịch	1	1.20
39	Đường Nội Bộ số 8	Trần Huy Liệu	Tô Hiệu	1	1.20
40	Đường Nội bộ Quy hoạch lô G (G1)	Nguyễn Văn Linh	Hồ Thanh Tòng	2	1.20
41	Đường Nội bộ Quy hoạch lô G (G2)	Nguyễn Văn Linh	Hồ Thanh Tòng	2	1.20
42	Đường Nội bộ Quy hoạch lô G (G3)	Nguyễn Văn Linh	Hồ Thanh Tòng	2	1.20
43	Đường Nội bộ Quy hoạch lô G (G4)	Nguyễn Văn Linh	Giáp nhà dân (đường cụt)	2	1.20
44	Đường vào bãi Đầm Trầu	Cỏ Ống	Bãi biển Đầm Trầu	2	1.20